

BIÊN TRUNG BIÊN LUẬN THUẬT KÝ

QUYỂN TRUNG

PHẨM THỨ BA: BIÊN LUẬN CHÂN THẬT

Không vọng gọi là chân, chẳng phải hư gọi là thật. Thể của nó vốn có mười thứ, hoặc có hoặc không, tùy theo pháp đó mà luận nên gọi là chân thật. Phẩm này nên gọi là phẩm Biên chân thật. Tuy rằng trong phẩm Biên tướng đã nói về ba tánh, nhưng đó chỉ nương vào cảnh để nói, còn nay phẩm này lại nói từ nơi cảnh đó mà khởi hạnh. Do vậy, ở đây nói ba tánh là nhằm làm rõ chín chân thật còn lại.

Luận rằng: “Đã nói về chương đó nên phải nói về chân thật”.

Thuật rằng: Phẩm này có ba phần: Phần đầu là kết trước khởi sau để phát ra đầu mối của luận. Phần hai là từ “Tụng rằng” trở đi là biện giải thích về chính tông. Phần ba là từ “Nghĩa chân thật chung, lược có hai” trở đi, là nhằm nhiếp lại những gì đã nói ở trên, tổng kết giải thích thể vốn không tăng không giảm. Từ đó làm rõ mười nguyên do.

Luận tụng rằng: Từ “Chân thật chỉ có mười” đến “đều là trừ ngã kiến”.

Thuật rằng: Đây tức là phần thứ hai nói về tôn chính. Trong đây gồm có hai mươi ba bài tụng được chia làm hai: Hai bài tụng đầu liệt kê tên của mười chân thật; hai mươi một bài tụng còn lại là giải thích riêng về mười thật ấy. Trong đó, kế có một bài tụng nói về căn bản chân thật; kế có một bài tụng rưỡi nói về chân thật thứ hai, kế có hai bài tụng rưỡi nói về chân thật thứ ba; kế có hai bài tụng nói về chân thật thứ tư; kế có hai bài tụng nói về chân thật thứ năm; kế có nửa bài tụng nói về chân thật thứ sáu; kế nó nửa bài tụng nói về chân thật thứ bảy; kế có một bài tụng nói về chân thật thứ tám; kế có một bài tụng nói về chân thật thứ chín; kế có chín bài tụng nói về chân thật thứ mười. Đây tức là phần đầu. Trong đó, câu thứ nhất nêu ra tên và số; bảy câu kế liệt kê mười tên; còn câu thứ tám là nói về chân thật thứ mười. Đến đoạn dưới đây sẽ biết.

Luận rằng: “Nên biết chân thật chỉ có mười thứ”.

Thuật rằng: Đây là giải thích câu tụng thứ nhất. Chữ “duy” có nghĩa là quyết định, như trước đã giải thích.

Luận rằng: Từ “Một là căn bản chân thật” đến “mười thiện xảo chân thật”.

Thuật rằng: Đây là giải thích sáu câu kệ, nhằm liệt kê rõ tên của chân thật.

Luận rằng: Từ “Lại nữa, mười thứ này” đến “vì mười ngã kiến”.

Thuật rằng: Đây là giải thích câu tụng thứ tám, nói nguyên do của mười thiện xảo.

Luận rằng: Từ “Mười thiện xảo” đến “pháp vô vi thiện xảo”.

Thuật rằng: Đây là liệt kê tên thiện xảo. Luận xưa nói là thắng trí. Nếu nói là thiện xảo là duyên với trí kia; còn nếu nói là thiện xảo chân thật tức trí này là lý của sở duyên, nên có hai thứ riêng. Nghĩa là, từ Uẩn Thiện xảo cho đến pháp vô vi thiện xảo là giải thích theo cách của Luận chủ. Chân thật thiện xảo, cũng đồng với cách giải thích này. Chân thật của căn bản là sự, hoặc căn bản tức là chân thật. Hai cách giải thích có thể biết

Luận rằng: “Trong đây thế nào là căn bản chân thật?”

Thuật rằng: Trong này giải thích mười chân thật. Đây là phần giải thích chân thật đầu tiên. Trong đó, trước là hỏi đáp về ba tên căn bản. Còn từ “Điều nói ở đây” trở đi là giải thích căn bản thế. Đây là phần nghi vấn vậy.

Luận rằng: “Vì nương vào đây để kiến lập các chân thật khác”.

Thuật rằng: Đây là giải thích nghĩa căn bản, vì nương vào đây mà lập chân thật khác vậy. Nhưng trong bài tụng này chưa giải thích nghĩa của chân thật, nên để giải thích nó, đoạn dưới của Luận sẽ nói tiếp:

Luận rằng: Từ “Điều nói ở đây” đến “chính là chân thật”.

Thuật rằng: Đây là hỏi về nghĩa của chân thật, nên mới có văn tụng dưới. Nhưng trong bài tụng này, chỉ giải thích nghĩa của chân thật, cho nên nay hỏi. Không giải thích nghĩa của căn bản, cho nên trước đã giải thích Trường hàng. Vì đối với nghĩa chân thật này, người ngoài có sự nghi ngờ, còn nghĩa căn bản của nó chẳng phải là điều của người ngoài tranh luận, không nên bàn đến.

Luận tụng rằng: Từ “Nó về ba tự tánh” đến “Hữu vô chân thật”.

Thuật rằng: Vì chỉ một câu luận trên chưa nói rõ hết, vì vậy đầu bài tụng nói sẽ nói rõ chung về ba tánh. Còn ba câu dưới, mỗi câu cũng đều nhằm làm rõ điều đó. Xem đoạn dưới sẽ rõ.

Luận rằng: Từ “Tức là đối với như vậy” đến “tướng thường chẳng có”.

Thuật rằng: Ba tánh là chung, tánh đầu là riêng, vì nó được nhiếp trong chuyển thứ năm, nên luận nói là trong. Chỉ một chữ đó là thông suốt cả ba tánh. Trong phần thứ nhất này, trước trình bày tánh không, vì tất cả thời tướng luôn luôn không có tức là nêu ra thể.

Luận rằng: Từ “Chỉ thường chẳng có” đến “vì không có điền đảo”.

Thuật rằng: Đây là giải thích về chân thật. Nghĩa là có người hỏi rằng “Tánh này như đã nói là do vọng phân biệt, mà nói là chân thật, đó há chẳng phải là vọng sao?”. Nên nay luận nói, do sở chấp này, vốn thường chẳng có, nên nói là “phi hữu”, tức là chấp nhận chân thật, không điền đảo. Nếu nói cái này là có mà không biết nó vốn không, thì đúng là điền đảo. Vì cho là không, nên mới là chân thật.

Luận rằng: “Tướng y tha khởi có nhưng chẳng phải thật”.

Thuật rằng: Đây là nêu ra thể, thể tuy chẳng phải không, nhưng chẳng phải thật có. Nói có là lược ra tánh đầu, chẳng phải nói về chân tánh viên thành thật. Vì thể của tánh đầu là không có, còn chân thật của tánh sau là có.

Luận rằng: Từ “Chỉ có chẳng phải chân” đến “vì có tánh loạn”.

Thuật rằng: Đây là giải thích chân thật. Vì y tha khởi có tánh loạn thức, chẳng phải là hoàn toàn không, cũng chẳng phải thật có, nên nói là thật, cũng gọi là chân thật.

Luận rằng: “Tướng của Viên thành thật cũng có, cũng phải chẳng phải có”.

Thuật rằng: Đây là nêu ra thể, vì có vô ngã nên gọi là có, ngã không có nên gọi là không, cho nên luận nói cũng có cũng không.

Luận rằng: Từ “Chỉ có chẳng phải có” đến “vì có tánh của không”.

Thuật rằng: Đây là giải thích về chân thật. Vì nói có tánh tức là có vô ngã, vì không tức là không có ngã; cho nên gọi chung là tánh hữu không vậy. Nếu có thể biết được như vậy, thì gọi là thật lý, cũng gọi là chân thật. Để giải thích ba câu tụng dưới, cứ phối hợp thứ lớp sẽ rõ.

Luận rằng: “Tướng chân thật như thế nào?”.

Thuật rằng: Đây là hỏi về chân thật thứ hai, do đó mà dẫn ra văn tụng dưới.

Luận tụng rằng: Từ “Đối với pháp số thủ thú” đến “gọi là chân thật tướng”.

Thuật rằng: Trong sáu câu tụng đó, ba câu tụng đầu chỉ phối hợp, với ba tánh, còn ba câu sau thông với ba tánh trên. Nghĩa là, đối với pháp sở thủ thú, có tăng ích tổn giảm kiến, biết đây nên không chuyển khởi, nên gọi là chân thật tướng. Cho đến nói rộng hơn là sở thủ thú. Nghĩa của năm tướng xoay vòng không dừng nghỉ, trong phần liệt kê tên tướng tức là riêng, chân thật là chung. Trước nói về tướng chân thật, sau nói về tướng.

Luận rằng: Từ “Đối với tất cả pháp” cho đến “kiến tổn giảm”.

Thuật rằng: Bồ-đặc-già-la tức là sở thủ thú. Đây không phải nói về người mà thuộc về loài khác. Vì chấp vào hai thể là có nên gọi là tăng ích kiến Phế bỏ hai tên vô hoặc là đã cũng là không có, gọi là tổn giảm kiến. Như Nhiếp Đại Thừa Luận v.v... cũng có nói nghĩa này. Đây chính là nêu ra ở vọng sinh này.

Luận rằng: Từ “Nếu biết điều này” đến “tự tánh chân thật tướng”.

Thuật rằng: Nếu biết ngã và pháp này thể của nó vốn không, kiến ấy tăng giảm, liền không chuyển khởi. Đã biết nó là không, tức là tướng thật của Biến kế sở chấp.

Luận rằng: Từ “Đối với các sở thú này” đến “và tổn giảm kiến”.

Thuật rằng: Các luận Hộ Pháp v.v... nói rằng: thể của hai thủ thuộc về tánh. Y tha khởi, tức là ở trên đây khởi lên tăng giảm kiến. Ngài An Tuệ cho rằng, thể của hai thủ là biến kế sở chấp. Thức Sở y để làm tự chứng phần của hai thể này chính là y tha khởi. Nó dựa vào tự chứng phần này mà khởi lên tăng ích kiến. Nay nói hai thủ, thủ sở y này chấp thể là thật, gọi là tăng bát; thể của vọng thì không nói là giảm. Đây chính là nêu ra vọng sinh khởi ấy.

Luận rằng: Từ “Nếu biết như vậy” đến “tướng trị tánh chân thật”.

Thuật rằng: Nếu rõ biết tướng vọng huyễn của y tha này thì các kiến tăng giảm kia liền không chuyển khởi. Vọng pháp sở trì này chính là pháp chân thật của y tha khởi.

Luận rằng: Từ “Đối với hữu và phi hữu” đến “và tổn giảm kiến”.

Thuật rằng: Nghĩa của hữu và phi hữu tức là Viên thành thật, như đã giải thích ở trước. Thể của tánh này cũng có, cũng không, cũng chẳng không, như phẩm tướng đã nói. Nếu nói nhất định có thì gọi là tăng, nếu nói nhất định không thì gọi là giảm. Đây chính là nói đến

vọng sinh khởi ấy.

Luận rằng: Từ “Nếu biết điều này” đến “tự thể chân thật tướng”.

Thuật rằng: Biết rõ tánh có, chẳng có của Viên thành thật, thì kiến tăng giảm kia liền không chuyển khởi. Các sở tri có và không này chính là tánh tự tướng của Viên thành thật. Hỏi: Cái thật của căn bản trước nói là ba tánh. Nay lấy ba tánh chân thật này làm thể, thì có gì khác nhau? Vì vậy mà phải đáp nghi vấn này.

Luận rằng: Từ “Đối với căn bản này” đến “tướng chân thật”.

Thuật rằng: Luận chung về có và không thì gọi là căn bản thật; nếu chỉ lia hai thứ lỗi tăng và giảm thì gọi là tướng chân thật, nên hai thứ này khác nhau.

Luận rằng: Từ “Không có điên đảo chân thật” đến “bốn đảo thường v.v...”

Thuật rằng: Đây là giải thích vô đảo chân thật thứ ba. Ở đây, thể của nó tức là bốn thứ thường v.v...

Hỏi: Vì sao Khổ đế lại có tên riêng chân thật không điên đảo, còn ba đế khác thì lại gọi chung là nhân quả? Để trả lời câu hỏi này, nay luận nói rằng: Vì khổ đế nhằm đối trị kia bốn điên đảo thường hằng kia, còn các đế khác thì không, nên không thể xét như nhau được. Nay chỉ xét riêng về hành thì chỉ có Khổ đế là cùng với bốn hành này. Các bản sao khác cũng nói như vậy:

Luận rằng: Từ “Vì sao nên biết” đến “lập ra chân thật ư?”

Thuật rằng: Đây là sinh khởi lời hỏi.

Luận tụng rằng: Từ Vô tánh và sinh diệt” đến “y căn bản chân thật”.

Thuật rằng: Hai hành này được nói trong nửa bài tụng. Tám câu đầu chỉ nói về bốn hành, mỗi mỗi có ba hành tướng; câu thứ nẩy và tám phối hợp thuộc về ba tánh. Tuy vậy, ba thứ không ở câu thứ hai đã nói thì cũng không khác với tự tánh. Tức là ba tánh: (1). Vô; (2). Dị tánh; (3). Tự tánh. Còn các điều khác thì như luận đã giải thích, đọc thì sẽ rõ.

Luận rằng: Từ “Vô thường ba” đến “vị vị chuyển biến”.

Thuật rằng: Nhưng nay vô thường thông duyên với ba tánh, nên nói năng duyên hành có biến kế sở chấp v.v..., thật chẳng có hành chung nói tánh trước sau. Thành Duy Thức nói: “Tuy nói thông với ba tánh nhưng kỳ thật chẳng thông”. Nếu xét theo lý, thì vô thường duyên với ba đế sau, còn tánh đầu chẳng thuộc về đế. Nói duyên với kia tức là

thông với tất cả tâm, duyên với vô thường mà nói. Tuy nói là vô thường hành, thật chẳng phải thuộc về hành này. Lại do tánh kia là giả, nên gọi là vô thường. Các hành tướng dưới, do ở nơi đây nên biết.

Luận rằng: Từ “Ba thứ khổ” đến “vì tướng hợp”.

Thuật rằng: Hai thứ chấp ngã và pháp là tâm năng kế tâm. Vì kế tâm sở chấp, nên gọi là khổ, vì duyên vào tâm và tâm sở. Nhiễm phần là tướng của ba khổ, còn giả và thật đã nói như trước.

Luận rằng: Từ “Có ba thứ không” đến “là tự tánh vậy”.

Thuật rằng: Vì Biến kế sở chấp không có nên gọi là không. Tánh của y tha khởi và thể của biến kế sở chấp khác nhau, nên cũng nói là không. Tánh tuy chẳng phải hoàn toàn không có, và khác với sở chấp kia, không như sở chấp kia, nên cũng nói là tức không. Vì tánh của Viên thành thật thuộc về không lý. Nhưng như y tha khởi ở trên sở chấp thì không có, tức là viên thành thật thuộc về lý không, nên nói là không của y tha. Đó cũng là giả lập mà nói.

Luận rằng: Từ “Vô ngã có ba” đến “tức là do tự tướng mà nói là vô ngã”.

Thuật rằng: Ba thứ vô ngã này như ba “không” đã nói. Nhưng trong Hiển Dương Thánh Giáo Luận có nói đủ ba thứ này, này không thể dẫn ra nhiều. Như Thành Duy Thức luận sơ quyển đã nói.

Luận rằng: Từ “Đã nói như vậy” đến “như trước nên biết”.

Thuật rằng: Từ bốn hành đến nương vào ba tánh, mỗi mỗi đều có ba thứ, như trên đã nói. Nhưng luận xưa lại càng rườm rà, phú điệp mỗi mỗi nêu ra ở trước vô thường và khổ, ngoài các bài tụng còn có luận trường hàng. Như thứ lớp đã phối hợp thuộc về ba tánh, tức là trong bốn hành và ba tánh, cái đầu đều là sở chấp, kế là y tha, sau đều là thành thật.

Luận rằng: “Nhân quả y tha khởi”. Ngài An Tuệ giải thích rằng: “Hai thủ tức là biến kế sở chấp. Thức tự thể phần sở y của hai thủ này là y tha khởi. Hai thủ sở y phần tự thể của thức đoạn được không sinh, không sinh tức là diệt, nên tạm gọi là y tha khởi”. Nay nói hai thủ ý, thủ là sở y, tánh viên thành thật tự thể của thức, nghĩa là hai thứ cấu và tịnh, tức là trạch diệt và chân như. Ngài An Tuệ nói: “Cấu tịnh có hai thứ: Một là, Nhiễm cấu tịnh, tức đoạn phiền não chướng, gọi là Thạch diệt. Hai là, Bất nhiễm cấu tịnh, tức đoạn sở tri chướng, gọi là Chân như diệt”. Giải thích chung rằng: Do cấu tịnh nên được hai thứ chung, nghĩa là trạch diệt và chân như hoặc cấu tịnh nên được trạch diệt, hoặc tánh vắng lặng, tức là chân như, gộp chung hai thứ lại nên nói: Hai thứ cấu

và tịnh. Như Thành Duy Thức nói: Hai thủ diệt tức là trạch diệt. “Nay trạch diệt bốn tánh thuộc về diệt, hai luận đã nói khác nhau. Trong đây căn cứ vào sở y và sở đắc, vì hai thứ mỗi mỗi đều khác nhau, sở y và y tha khởi giả gọi là hai thủ diệt, sở đắc thuộc về bản tánh. Luận khác không căn cứ vào sở y chỉ nói về sở đắc, giả gọi là y tha, nên phần trạch diệt nhập vào hai thủ diệt. Nhưng vì đã nói ở trên đều lược bớt không nói, không phải thuộc về y tha khởi, cũng không trái nhau.

Luận rằng: Từ “Đạo đế có ba” đến “kiến lập Đạo đế”.

Thuật rằng: Ban đầu chỉ nói là chẳng phải có, nên chỉ riêng biết; kế chỉ nói diệt cho nên biết đoạn; sau vì đã là không có nên biết chứng. Song vì trên đã nói, nên ở đây lược bớt không nói vô nhiếp y tha, chẳng phải thể là không có.

Luận rằng: Từ “Thô tế chân thật”, đến “căn bản chân thật”.

Thuật rằng: Đây là giải thích phần thứ năm, nên mới dẫn ra văn này. Cả hai đều giải thích theo lối Y sĩ và Trì nghiệp, giải thích tên mỗi mỗi có bốn trọng, như Duy Thức đã nói. Song vì căn cứ vào nhân quả nên chỉ nói về bốn đế; căn cứ vào môn thô tế nên nói hai đế này, vì tục thì thô chân thì tế. Trong đây chỉ căn cứ vào pháp vô lậu, gọi là thắng nghĩa, Vô lậu, hữu vi vô vi là nói về môn an lập. Thế tục cho viên thành thật chẳng phải thế tục, vì loại của thế tục, giả gọi là thế tục. Căn cứ vào hai luận về thật, hữu lậu là thế tục, vô lậu là thắng nghĩa. Nghĩa của hư không, và trạch diệt là quy về hai đế, nhập vào ba tánh.

Luận tụng rằng: Từ “Nên biết thế tục đế” đến “vô đảo hai viên thành”.

Thuật rằng: Hai câu tụng này đầu nói về tục đế sau nói về thắng nghĩa. Trong phần nói về thắng nghĩa, câu thứ nhất nói về số, câu thứ hai liệt kê tên, còn hai câu dưới nói về thắng nghĩa này. Nương vào một căn bản tức là tánh viên thành thật. Trong tánh viên thành thật có hai, một là hữu vi, hai là vô vi; cả hai đều nương vào đó. Trong ba tánh nương vào một tánh, trong hai thật cả hai đều nương vào nhau.

Luận rằng: Từ “Thế tục đế có ba”, đến “kiến lập chân thật”.

Thuật rằng: Tánh đều không có thể, chỉ có tên giả, gọi là giả thế tục. Thứ hai là hữu vi, có nghĩa là dời đổi, gọi là hành thế tục. Tục của thứ ba là do tục thứ hai, hiển bày rõ cũng gọi là thế tục mà thể thật chẳng có.

Luận rằng: Từ “Thắng nghĩa đế cũng có ba”, đến “tên là Thắng nghĩa”.

Thuật rằng: Vô lậu quán tâm gọi là thắng trí, cảnh kia như vậy

gọi là thắng nghĩa. Nghĩa tức là cảnh, là lựa ra hai thứ sau, nên thắng nghĩa gọi là nghĩa. Vì thắng nghĩa thứ bảy chuyển nên giải thích tên nó theo lối y sĩ. Luận xưa nói là chân như, hoặc nói đệ nhất nghĩa đế, tức là không phải giải thích như đây.

Luận rằng: Từ “Hai đặc thắng nghĩa” đến “vì cũng là nghĩa lợi”.

Thuật rằng: Nay nói nghĩa tức là nghĩa lợi, vì có thể thuận theo lợi ích. Nghĩa là, thể của Niết-bàn này là lấy thắng quả để lập cho cái tên là thắng. Lại có nghĩa là lợi, nên cũng gọi là nghĩa. Cũng là thắng, cũng là nghĩa, tức là giải thích theo lối trì nghiệp. Chí đặc và sở đặc đều gọi là đặc thắng nghĩa.

Luận rằng: Từ “Ba chánh hạnh nghĩa” đến “vì là nghĩa”.

Thuật rằng: Trí là hữu vi nên gọi là hành; vì nó khác với thiện hữu lậu nên lại lập ra tên chánh; lấy thắng pháp làm nghĩa, nên gọi là thắng nghĩa, tức là giải thích theo lối hữu tài. Nói chánh hạnh nghĩa là lựa ra hai thứ trước. Duy Thức chỉ nói hành thắng nghĩa mà không có chữ chánh. Nếu chỉ nói nghĩa của thắng nghĩa v.v... tức là không bỏ đi chữ nghĩa ở trên v.v. Giải thích ba thứ này, đều giải thích theo lối trì nghiệp, đều bỏ đi chữ thượng, hiểu rõ ba cách giải thích như trên. Hợp uẩn gọi là thắng nghĩa. Như Duy Thức Sở Sao quyển thứ nhất đã nói.

Luận rằng: Từ “Ba thắng nghĩa này” đến “lập viên thành thật”.

Thuật rằng: Đây là giải thích ba chữ Y, Bản, Nhất trong câu thứ bảy.

Luận rằng: Từ “Viên thành thật” này “đến có sai biệt”.

Thuật rằng: Đây là giải thích ba chữ Nhị, Viên, Thật trong câu thứ tám.

Luận rằng: Từ “Vô vi nhiếp chung” đến “gọi là viên thành thật”.

Thuật rằng: Đây là giải thích hai chữ cuối câu bảy và hai chữ đầu câu tám. Ở trong hữu vi chỉ nói thánh đạo, vì đạo là chủ; trong vô lậu vị, vì Trí thắng khác, như Duy thức đã nói.

Luận rằng: Từ “Cực thành thật” đến “thật lập kia”.

Thuật rằng: Tiếng Phạm gọi là Tất-đà tức là nghĩa của cực thành. Xưa nói Tất-đàn tức là tên này vậy. Nhưng hai chân thật này và hai chướng sở hành sau, như luận Du-già quyển ba mươi sáu, ở phẩm Chân thật nghĩa, cũng đã nói rõ điều này. Nay nói cực thành tức là gọi tên khác vậy. Nay chia ra hai chỗ để giải thích, là muốn làm rõ chân thật thứ sáu, nên mới nói đến thể này.

Luận tụng rằng: “Thế cực thành nương vào một, Lý cực thành nương vào ba”.

Thuật rằng: Hai câu này, mỗi một giống như văn dễ biết.

Luận rằng: Từ “Nếu việc thế gian” đến “cực thành chân thật”.

Thuật rằng: Nói là “Sự” tức là chỉ cho pháp thế gian. Thế gian thì chẳng phải Thánh, đó là giải thích tên thế gian. “Cộng sở an lập”, tức là tôn đã lập ra, đó là giải thích cực thành. “Quán tập” tức chỉ cho tập khí từ vô thủy đến nay. “Tùy nhập” nghĩa là nói giải thích do tập quán, tùy theo chúng, việc của chúng mà giải thích. “Giác tuệ sở thú”, nghĩa là cùng việc đã an lập. Tất cả thế gian đồng chấp vào việc này, tức là giải thích nghĩa chân thật. Trong đây ý nói, nghĩa là như trong một đại địa. Tất cả thế gian cùng đã lập ra, gọi nó là đất. Đất này là tập quán từ vô thủy đến nay, tùy theo duyên vào tuệ hiểu biết của bậc Thánh. Tất cả thế gian đồng chấp vào việc này là đất chẳng phải lửa. Cho đến nói rộng tất cả pháp khác cũng vậy. Nay đây lại nêu ra năng tạo trong đất và sở tạo trong sắc luôn luôn, tất cả pháp đều như lý mà biết. Đây là giải thích ba chữ Thế, Cực, Thành trong câu thứ nhất của bài tụng.

Luận rằng: Từ “Ở căn bản này” đến “sở chấp mà lập”.

Thuật rằng: Trong bài tụng này, câu thứ nhất nương vào chữ thứ một và ha. Nhưng trong thế gian cũng có tâm thiện hoặc tâm vô ký v.v... nói đất chẳng phải lửa. “Phi hữu chấp” nghĩa là nay trong chân đạo lý cực thành này thuộc về chân thật. Song lý luận này cũng thuộc về y tha khởi, tức là thông với ba tánh. Luận này căn cứ vào phần một sở chấp, luận Du-già căn cứ vào một phần y tha, còn Thành Duy Thức hợp duyên vào nó.

Luận rằng: Từ “Nếu có lý nghĩa” đến “cực thành chân thật”.

Thuật rằng: “Nếu có lý nghĩa tức là có nghĩa của đạo lý. Đây là giải thích hai chữ đạo lý. Các ngoại đạo v.v... gọi là người thông minh sáng suốt; các pháp bên trong v.v... gọi là bậc hiền thiện; tất cả sinh ra khác gọi là tầm tư. Luận Du-già phẩm Chân Thật Nghĩa nói, tuy có người nhiếp hết ba hạng này, v.v... cũng chính là nghĩa cực thành này vậy. Nương vào ở trong ba lượng, bốn thứ đạo lý, chứng thành đạo lý, lập ra lý này. Kiến lập ra lý này, gọi là đạo lý cực thành chân thật. Nương vào ba lượng v.v... để giải thích nghĩa của chân thật. Đây là giải thích chung ba chữ đầu của câu thứ hai trong bài tụng.

Luận rằng: “Đây là nương vào căn bản lập ra ba chân thật”.

Thuật rằng: Đây là giải thích hai chữ cuối của câu thứ hai trong bài tụng. Nếu tâm đã biến chuyển chỉ có y tha khởi, nếu chân như v.v...

tức là thuộc về tịnh sở hành, nếu chấp tâm duyên tức là thuộc về thể gian. Luận Du-già nương vào đây để nói chỉ là y tha. Trong đây đã thành tựu có thể thông với ba tánh, nên thuộc về ba tánh. Do đây mà Duy Thức nói, là ra hội này. Vì lý thông với chấp, vô chấp, tạp nhiễm, và thanh tịnh. Tánh của hai thể này, như luận Du-già v.v... đã nói, nay không thể dẫn ra nhiều.

Luận rằng: Từ “Tịnh sở hành” đến “chân thật mà lập”.

Thuật rằng: Đây vì giải thích phẩm thứ bảy, nên mới lập ra câu hỏi này. Sở hành và tịnh trí của phiền não chương đều dựa theo lối giải thích của Luận chủ. Sở hành tức là chân thật, là giải thích theo lối trì nghiệp. Sở tri chương v.v... chuẩn theo đây nên biết. Đầu tức là quán nhân, sau là quán pháp. Sở hành tức là hai thứ vô ngã.

Luận tụng rằng: “Tịnh sở hành có hai, nương vào một viên thành thật”.

Thuật rằng: Tức là vì lý của hai thứ vô ngã.

Luận rằng: Từ “Phiền não sở tri” đến “vì cảnh của tịnh trí”.

Thuật rằng: Đây là căn cứ vào không gián đoạn, ban đầu là giải thoát đạo, không có trí phân biệt, vì không duyên vào tánh khác mà nói thì chỉ có một Viên thành thật, hoặc Hậu đắc trí v.v... Đây có gì ngăn cản duyên thông với ba tánh? Tuy không chấp nhận cũng không ngăn cản, vẫn đây đồng với luận Du-già, Duy Thức v.v...

Luận rằng: Từ “Vì sao nên biết” đến “ba chân thật ư?”

Thuật rằng: Đây là giải thích phần thứ tám, liệt kê tên khởi lên lời hỏi.

Luận tụng rằng: Từ “Gọi là biến kế sở chấp”, đến “thuộc về Viên thành thật”.

Thuật rằng: Hai câu trên là hai tánh, hai câu dưới là một tánh.

Luận rằng: Từ “Các tướng năm việc” đến “ba thứ chân thật”.

Thuật rằng: Vì chẳng phải thuộc về thứ lớp, nên nói tùy ứng.

Luận rằng: Từ “Nói tên nhiếp tại” đến “chân như chánh trí”.

Thuật rằng: Trong đây nói nhiếp nghĩa này và bốn chỗ khác của luận mỗi mỗi đều khác nhau. Như Thành Duy Thức quyển thứ tám, hội Đại Hòa.

Luận rằng: Từ “Sai biệt chân thật”, đến “kia lập ra chân thật ư?”

Thuật rằng: Đây là giải thích phần thứ chín, liệt kê tên văn hỏi. Xưa gọi là phần phá, đây không nói như vậy, vì đường mòn thẳng tuột mà là bảy thứ này gọi là thể tánh. Cũng hội với Giải Thâm Mật, Du-già,

Hiển Dương, Phật Địa Luận v.v..., như Duy Thức Số.

Luận tụng rằng: Từ “Lưu chuyển và an lập” đến “chánh hạnh nương vào một thứ sau”.

Thuật rằng: Tuy có bảy “như” nhưng lược làm hai thí dụ: Ba y ba tánh và bốn y một tánh. Xem câu hai và ba của bài tụng thì rõ.

Luận rằng: Từ “Lưu chuyển bảy thứ v.v...” đến “ba thứ chân như”.

Thuật rằng: Vì chẳng phải thứ lớp, cũng nói tùy ứng, nghĩa nó như thế nào?

Luận rằng: Từ “Nói lưu chuyển kia” đến “lập viên thành thật”.

Thuật rằng: Đây là giải thích văn tụng, làm hai thí dụ. Ba tùy cùng theo tướng nhiếp vào nhau, vì pháp lưu chuyển vọng chấp duyên khởi sinh tử, vì còn lại hai tạp nhiễm khác. Nghĩa của bốn thật kia chỉ là viên thành thật. Luận xưa nói rằng: “Vì Thánh trí đã hiển bày”. Bản tiếng Phạm không nói, đây người dịch thêm nó vào. Ở đây thì cùng với Duy Thức trái nhau, luận khác tự hợp.

Luận rằng: Từ “Thiện xảo chân thật” đến “nói có mười thứ”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là giải thích thiện xảo chân thật thứ mười, từ thứ mười trở xuống, tức là phẩm Điệp câu thứ bảy, thứ tám, trong bài tụng. Mười thứ thiện xảo đều trừ đi ngã kiến, nay lập tôn rồi mới làm ra bài tụng.

Luận rằng: “Vì sao ở nơi uẩn v.v... khởi lên mười ngã kiến ư?”

Thuật rằng: Đây là giải thích thiện xảo. Trước nói về sở tri, trong đây đầu tiên là hỏi, sau nêu ra tụng trả lời.

Luận tụng rằng: Từ “Ở nơi uẩn v.v... ngã kiến” đến “quán tánh buộc và giải”.

Thuật rằng: Phần nói về thiện xảo gồm có chín bài tụng, hợp làm ba phần. Phần đầu gồm một bài tụng rưỡi về mười thiện xảo, sở tri ngã kiến. Kế có nửa bài tụng nói về thiện xảo nương vào căn bản mà lập. Sau có bảy bài tụng nói về mười thiện xảo. Đây tức là phần đầu. Nói ngã kiến ở nơi uẩn v.v... tức là nêu chung tên, chấp vào một nhân dưới mới nêu ra mười kiến.

Luận rằng: Ở nơi mười pháp của uẩn mà khởi lên mười thứ ngã kiến”.

Thuật rằng: Đây là nêu chung. Nói ở “nơi uẩn v.v...” tức là duyên vào ở nơi uẩn v.v... mà khởi lên ngã kiến. Nói “lìa uẩn v.v...” tính toán do tướng của tâm quyết định là có, nên nói ở nơi uẩn v.v...; không lìa uẩn tính toán nên nói là ở nơi uẩn v.v...

Luận rằng: Từ “Một chấp một tánh” đến “tánh của mười chấp tánh buộc, giải”.

Thuật rằng: Tức là Sở tri riêng của mười thiện xảo vậy. Nghĩa là chấp thể của uẩn làm ngã là một, nay nói có năm. Chấp giới làm ngã mà không thể làm nhân, nay nói là giới, chấp xứ làm ngã nhưng là thọ giả, nay nói đối với xứ chấp duyên khởi làm ngã có dụng tăng thượng. Chấp tức là uẩn v.v... ngã thể là quán, tam thừa quán khác, nay nói tam thừa chấp vào uẩn v.v... Ngã có trói buộc, có giải thoát, nay nói là hữu vi vô vi, chỉ nói hữu lậu có trói buộc chẳng phải khác, đây là sở tri.

Luận rằng: “Vì trừ kiến này mà tu mười thiện xảo”.

Thuật rằng: Thiện xảo là trí, trí có thể trừ kiến nên lần lượt tu.

Luận rằng: Từ “Thế nào là mười thứ” đến “kiến lập chân thật”.

Thuật rằng: Từ đoạn thứ hai trở xuống, sẽ nói về thiện xảo chân thật. Nương vào nghĩa của căn bản, trước khởi lên lời hỏi. Chân thật nghĩa là lý, thiện xảo là cảnh của sở duyên.

Luận rằng: Từ “Do mười uẩn v.v...” đến “vì không tự tánh”.

Thuật rằng: Đây là đáp chung lời hỏi trước.

Luận rằng: “Vì sao nhiếp ở trong ba tự tánh”.

Thuật rằng: Trước đã đáp chung nên càng xét lại lời hỏi.

Luận tụng rằng: “Sở chấp này phân biệt pháp, tánh nghĩa”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống xét lại trả lời. Chữ “thử” ở đây là chỉ mười chân thật. Chữ “tại bỉ” tức là ở căn bản chân thật kia. Trong đây v.v... đều do chuyển thứ bảy, vì trong mười thứ này là nghĩa của sở chấp v.v..., cho nên ở trong bốn thật kia.

Luận rằng: “Mười uẩn v.v... này, mỗi thứ có ba nghĩa”.

Thuật rằng: Đây là nêu chung về mười pháp uẩn v.v..., đã nói mỗi thứ có ba nghĩa.

Luận rằng: Từ “Vả lại, trong sắc uẩn” đến “tánh của Viên thành thật”.

Thuật rằng: Trừ ra chín pháp khác, kệ chỉ nói về sắc, nên nói là “vả lại”. Sắc là sắc uẩn, trong một uẩn này đã gồm đủ. Nhưng vì nó thông với ba tánh khác, nên nói sắc là tánh của biến kế sở chấp. Theo cách giải thích của Luận chủ thì nói sắc thông với tánh này. Thể của sắc là không, đó là tánh Sở chấp của sắc uẩn y tha, tánh của sở chấp, cho nên đã nói sắc uẩn là thuộc về tánh sở chấp. Vì sở chấp sắc là không, thể chẳng phải là uẩn. Lại sắc uẩn là pháp khác của y tha tánh, còn y tha tánh bao quát chung nên đó là tánh y tha khởi của riêng sắc. Nương vào giải thích theo lối y sĩ gọi là y tha sắc. Trong đây nói chỉ có loạn

thức phân biệt, vì là sắc, chẳng phải chấp làm. Đây là thật sắc uẩn, gọi là y tha tánh. Lý của y tha sắc này giả gọi là sắc uẩn, là thuộc về Viên thành thật. Đây cũng nương vào cách giải thích theo lối y sĩ.

Luận rằng: Từ “Như là trong sắc uẩn”, đến “tùy ứng nên biết”.

Thuật rằng: Uẩn có năm thứ. Ngoài sắc uẩn còn có bốn uẩn khác, cùng chín thứ giới v.v..., mỗi thứ có ba nghĩa, tùy theo giới v.v... đó đã ứng với đạo lý, mỗi thứ có ba.

Luận rằng: Từ “Các uẩn như vậy” đến “chân thật mà lập”.

Thuật rằng: Từ trước đến nay nêu ra lý, dưới đây thâm nhập vào tánh, tùy theo giả thật như nói trong uẩn.

Luận rằng: Từ “Tuy nói như vậy” đến “thiện xảo tu uẩn v.v...”

Thuật rằng: Đây là điệp lại văn trước. Nghĩa là tuy đã nói, đã hiển bày, do chưa hết, nên nói “tuy nói”.

Luận rằng: “Nhưng chưa nói nghĩa khác của các uẩn v.v... này”.

Thuật rằng: Đây chính là hỏi, tức là hỏi về việc sở y của thiện xảo. Vì nương vào các pháp uẩn v.v... để tu thiện xảo.

Luận rằng: “Vả lại, nghĩa của uẩn đầu vì sao nên biết”.

Thuật rằng: Trước là hỏi về uẩn vậy.

Luận tụng rằng: “Chẳng phải một và lược chung phần đoạn nghĩa gọi là uẩn”.

Thuật rằng: Phần nói về thiện xảo, từ đoạn thứ hai trở xuống nói về mười pháp. Trong đây có hai, đầu chỉ nói về bốn pháp, sau kết lại về tu thiện xảo. Trong đoạn đầu gồm có bảy bài tụng, nửa bài đầu nói về uẩn. Kế có nửa bài tụng nói về Giới; Kế có nửa bài tụng nói về Xứ; Kế có nửa bài tụng nói về Duyên khởi; Kế có một bài tụng nói về Xứ và Phi xứ; nửa bài kế nói về căn; nửa bài kế nói về thế; một bài tụng kế nói về bốn đế; một bài tụng kế nói về Tam thừa; một bài tụng kế nói về hữu vi và vô vi. Đây tức là phần đầu. Tám chữ trên kể ra ba nghĩa, hai chữ dưới kết lại tên đã nói, tức là một chữ “nghĩa” thông suốt ba xứ.

Luận rằng: “Nên biết các uẩn v.v... lược có ba nghĩa”.

Thuật rằng: Đây là nêu chung số.

Luận rằng: Từ “Một và chẳng phải một nghĩa” đến “hoặc xa hoặc gần”.

Thuật rằng: Vì có mười một thứ nên nói chẳng phải một. Trong Luận Đối pháp quyển thứ hai, Luận Câu-xá quyển thứ nhất, đều có văn này, không biết kinh gì hoặc nói nhiều giới kinh.

Luận rằng: Từ “Hai là lược chung nghĩa” đến “lược làm một tụ”.

Thuật rằng: Lược chung mười một sắc gọi là một uẩn, nên gọi là lược chung.

Luận rằng: Từ “Ba phần đoạn nghĩa” đến “nói tên sắc uẩn v.v...”

Thuật rằng: Có thể phân đoạn thành Sắc uẩn, Thọ uẩn...

Luận rằng: Mỗi thứ đều an lập riêng vì tướng của sắc v.v...”

Thuật rằng: Giải thích nghĩa của phần đoạn, mỗi thứ an lập riêng, vì tướng của sắc, thọ, tướng v.v...

Hỏi rằng: Xứ cũng nên gọi là uẩn, vì mỗi thứ an lập riêng, gọi là nhãn xứ v.v...?

Đáp: Đây không như vậy. Tất cả mười một biến ngại sắc gọi là sắc uẩn, vì chẳng phải tất cả biến ngại cự vi sắc đều gọi là nhãn xứ. Kinh này nói, tất cả các sắc hoặc quá khứ cho đến hoặc gần, tất cả như vậy lược làm một tụ. Đó là kinh Thuyết Danh Sắc Uẩn v.v... Nay luận chủ lấy làm ba nghĩa, nhưng luận khác chỉ làm hai nghĩa, không nêu lên sự phân biệt, đây là nghĩa thứ ba.

Luận rằng: Từ “Do tụ nghĩa này” đến tụ “nghĩa tên uẩn”.

Thuật rằng: Vì ba nghĩa này, tụ nghĩa gọi là uẩn, đây là kết nghĩa thành tựu, lại dẫn ra thí dụ như tràng mạch uẩn v.v...

Luận rằng: “Đã nói về nghĩa của uẩn, nghĩa của giới như thế nào?”

Thuật rằng: Đây là kết trước sinh ra sau.

Luận tụng rằng: “Năng thủ và sở thủ kia, lấy nghĩa của chủng tử nên gọi là giới”.

Thuật rằng: Câu trên nêu ra ba thể, câu dưới giải thích nghĩa giới, tức là nghĩa của chủng tử thông với ba thủ.

Luận rằng: Từ “Năng thủ nghĩa của chủng tử” đến “sáu thức giới”.

Thuật rằng: Sáu thức gọi là bỉ thủ. Bỉ hoặc bỉ sở thủ sắc; vì bỉ sở thủ sắc v.v... rõ được năng thủ. Bỉ hoặc bỉ năng thủ vì năng y của bỉ năng thủ rõ được căn. Bỉ hoặc bỉ căn cảnh, năng y của bỉ năng thủ căn, năng thủ của bỉ sở thủ cảnh. Vì rõ được hai thứ kia chỉ là thủ, bỉ thuộc về căn v.v..., thủ thuộc về thức v.v... đó là giải thích theo lối y sĩ. Hoặc nương vào thể của của bỉ tức là thủ gọi là sáu thức, là không phải sở y của căn v.v... nên không gọi là năng thủ, bỉ thủ. Bỉ rõ biết năng thủ, tức là giải thích theo lối trì nghiệp. Đây gọi là chủng tử, chủng tử là nghĩa giới, hiện hành cũng gọi là chủng tử.

Luận rằng: Từ “Đã nói nghĩa của giới”, đến “nghĩa dụng môn

gọi là xứ”.

Thuật rằng: Đây là kết lại lời hỏi ở trước.

Luận rằng: Từ “Trong đây năng thọ” đến “là sáu xứ ngoài”.

Thuật rằng: Thọ dụng tức là thức, năng thọ là sáu căn. Vì sáu căn là môn thọ dụng của sáu thức, nên nói là nghĩa của môn năng thọ dụng. Cảnh chuẩn theo đây có thể biết. Môn nghĩa là trụ vào căn cảnh của nguyên do, vì thức sinh ra cảnh của nguyên do, nên gọi là môn, hoặc từ nơi dụ đặt tên.

Luận rằng: Từ “Đã nói nghĩa của xứ” đến “quả dụng không tăng giảm”.

Thuật rằng: Nghĩa của duyên khởi là nêu ra sự rõ ràng này. Đối với dụng của nhân quả, hiển bày rõ nơi ba pháp. Không tăng không giảm là nói về ba pháp đều như vậy.

Luận rằng: Từ “Đối với dụng của nhân quả”, đến “nghĩa là duyên khởi”.

Thuật rằng: Tức nêu chung ý đại cương đã nói.

Luận rằng: Từ “Trong đây tăng ích duyên” đến “chấp kia không nhân”.

Thuật rằng: Vì chấp vào Đại Tự Tại, tự nhiên, bản, tế, có ngã tạo tác nên lấy đó làm nhân. Đối với nhân của hành vì thế mà vô minh càng tăng, nên gọi là tăng ích nhân. Cho đến các chi lão tử từ đó có thể biết. Hoặc chấp vào hành v.v... vốn không có nhân sinh ra, rồi bác bỏ không có vô minh v.v..., nên gọi là tổn giảm nhân. Như Đối Pháp quyển thứ tư, Du-già quyển thứ mười v.v..., đã nói: hữu vi ngăn che sự tính toán lập ra duyên sinh v.v... chính là đồng với đây.

Luận rằng: Từ “Tăng ích quả” đến “quả của hành v.v...”

Thuật rằng: Hành là quả của vô minh. Trong hành thật không có ngã, nay chấp trong hành có ngã là quả vô minh, nên gọi là tăng ích quả. Tổn giảm từ đó có thể biết, cho đến lão tử cũng như vậy.

Luận rằng: Từ “Tăng ích dụng” đến “hoàn toàn không có công năng”.

Thuật rằng: Thể của vô minh và dụng của vô minh không khác không một. Dụng đối với thể không có pháp thật khác. Nay chấp vào dụng này lia thể thật có và thể nhất định khác, nên gọi là dụng tăng ích. Nhưng thể vô minh có ít công năng sinh ở nơi hành. Nói hoàn toàn không có công năng là bác bỏ không có dụng. Gọi là tổn giảm tức là duyên khởi tự tác, tha tác, phối hợp trong bốn câu giải thích.

Luận rằng: Từ “Nếu không như vậy”, cho đến “duyên khởi thiện

xảo”.

Thuật rằng: Đã lia hai chấp thì thiện xảo được sinh.

Luận rằng: Từ “Đã nói nghĩa của duyên khởi” đến “nghĩa là xứ phi xứ”.

Thuật rằng: Ba câu tụng trên trong bài liệt kê bảy thứ, câu thứ tư kết nghĩa đã nói.

Luận rằng: Từ “Nghĩa của xứ và phi xứ” đến “nên biết tướng nó”.

Thuật rằng: Kể ra chung đã nói ở bảy thứ xứ, ngã vô tự tại.

Luận rằng: Từ “Một là đối với phi xứ ái” đến “cụ thời xuất hiện”.

Thuật rằng: Đây là bốn thứ không được tự tại, văn đều dễ biết, không giải thích rườm rà lặp lại. Vì sao không có hai Phật Luân Vương? Một là vì không dùng; hai là do Luân Vương v.v... lúc tạo tác nghiệp không có tạo tác tướng nghiệp cạnh tranh nhau. Giả sử có cùng một lúc phát nguyện tu hành, tức là ở giới địa khác nguyện sinh ở đây, cũng không thể được, vì lý nhất định không có. Phật xuất hiện tuy có thể đồng, vì e rằng thế gian nhằm chán, nên cũng không đều sinh. Giả sử có chúng sinh, hai vị Phật đã giáo hóa một lúc thuần thực, nhưng có thể mật giáo hóa, không làm Phật để giáo hóa, cũng nhất định không có hai vị Phật ra đời để giáo hóa cho hữu tình.

Luận rằng: Từ “Năm đối với thắng chủ đến Chuyển Luân Vương v.v...”

Thuật rằng: Ở đây nói “đẳng” là đồng lấy cả Đế Thích và Phạm Vương v.v... Tuy ở sắc giới không có người nữ, nhưng vì hiển bày sự thù thắng sinh sinh, nên lại nói Phạm Vương v.v...

Luận rằng: Từ “Sáu, đối với sự chứng đắc” đến “Chánh đẳng Bồ-đề”.

Thuật rằng: Chí của người nữ yếu kém, căn tánh chẳng thù thắng, nương vào chỗ thấp hèn yếu kém không được quả Phật v.v...

Luận rằng: Từ “Bảy, đối với hiện hành” đến “bao hàm có thể hiện hành”.

Thuật rằng: Các kiến đế vốn do tánh giới thành tự. Tiểu thừa tham v.v... tu đoạn Thánh không hiện hành. Đại thừa kiến đoạn nên bậc Thánh không có, vì chấp nhận sắc pháp cũng kiến đoạn. Song ở trong bài tụng câu kết thứ tư nói rằng: “xứ phi xứ”. Nay giải bảy thứ đều nói là phi xứ. Dùng nghĩa phi xứ, tuy phá ngã có tự tại, nên cuối cùng không nói xứ.

Luận rằng: Từ “Trong kinh Đa Giới”, “đến là xứ phi xứ”.

Thuật rằng: Vì kinh này nói về sáu mươi hai giới v.v... nên gọi là Đa giới. Như Du-già quyển chín mươi sáu nói.

Luận rằng: Từ “Đã nói nghĩa của xứ và phi xứ”, đến “dùng hai tình tăng thượng”.

Thuật rằng: Vì có khởi lên lời hỏi nên có tụng trả lời bài. Căn là sở minh; Tăng thượng là giải thích nghĩa căn, liệt kê ở nơi quả pháp, sáu thứ việc.

Luận rằng: Từ “Hai mươi hai căn” đến “lập nghĩa của tăng thượng”.

Thuật rằng: Đây là nêu chung về mình.

Luận rằng: Từ “Nói thủ cảnh” đến “chưa biết v.v... căn có nghĩa là tăng thượng”.

Thuật rằng: Văn này dễ hiểu, như luận Du-già quyển thứ năm mươi bảy và Duy Thức quyển thứ bảy nói.

Luận rằng: Từ “Nói nghĩa của căn” đến “là thể nghĩa nên biết”.

Thuật rằng: Câu đầu trong bài tụng nêu ra thể, câu sau giải thích nghĩa của thể. Ở trong câu trên, là nói về ba đời của nhân quả đã dùng và nhân quả chưa dùng; nhân đã dùng và quả chưa dùng.

Luận rằng: Từ “Nên biết nhân quả” đến “nghĩa của ba đời khác nhau”.

Thuật rằng: Đây là nêu chung như đã nói rõ, đối với câu trên trong bài tụng, tùy ứng có thể hiểu.

Luận rằng: Từ “Nói là đối với nhân quả”, đến “là nghĩa của hiện tại”.

Thuật rằng: Trong luận Đối Pháp nói, quá khứ có tám nghĩa, vị lai có bảy nghĩa, hiện tại có năm nghĩa. Nay mỗi thứ này, chỉ căn cứ vào một nghĩa, chẳng phải nói hết lý. Vả lại, như luận Đối pháp, nói trong quá khứ có nhân rồi diệt vì quả không có, tức chẳng phải là nghĩa nhân quả đã dùng. Nay chỉ căn cứ hoàn toàn ở đời nhất định tạo ra pháp, đồng với Du-già quyển năm mươi sáu, chẳng phải căn cứ vào sát na thiếu phần, thiếu phần ở đời nên đồng với Đối pháp v.v... Có thể như luận kia và Duy Thức quyển ba nói.

Luận rằng: Từ “Đã nói nghĩa của thể” đến “là nghĩa của đế nên biết”.

Thuật rằng: Ba câu tụng đầu giải thích về bốn đế, câu thứ tư là kết lại. Văn khác có thể hiểu.

Luận rằng: Từ “Nói biết đế” đến “nói thuận theo pháp thọ”.

Thuật rằng: Thọ căn, thọ cảnh, thọ tương ứng với pháp có thể thu-
ận theo thọ sinh ra đều thuộc về khổ đế. Do vậy tức là lựa ra duyên của
vô vi vô lậu. Tuy thọ sinh, vì không thuận theo nên chẳng phải thuộc về
khổ đế, vì thọ sinh là dị thực sinh, trong đây nói riêng. Lại như Du-già
quyển năm mươi lăm nói, Khổ đế rộng Tập đế hẹp.

Luận rằng: Từ “Hai là tập thánh đế” đến “sở nhân các hành”.

Thuật rằng: Nếu sở nhân tức là dị thực, pháp trước làm nhân sau,
đều là Tập đế. Thể tánh của nó rộng hẹp, cùng với khổ không khác,
đồng với thuyết của tiểu thừa nói. Nay văn này tuy đồng chung, năm
mười lăm thuyết là thù thắng.

Luận rằng: Từ “Ba là diệt thánh đế” đến “năng đối trị đạo”.

Thuật rằng: Các luận chỉ nói khổ diệt là diệt đế, nay cũng lấy tập
diệt, vì căn cứ vào thật mà nói. Các nơi khác căn cứ vào thể, chỉ nói ở
khổ hữu lậu đến hết, nay nói hai diệt, hiển bày hai đế khác nhau, cũng
không trái nhau. Giải thích nghĩa đế v.v..., như Đối Pháp quyển thứ sáu
mười bảy và Du-già quyển thứ năm mươi lăm v.v... đã nói.

Luận rằng: Từ “Đã nói nghĩa của đế” đến “là thừa nghĩa nên
biết”.

Thuật rằng: Đây là giải thích về thừa thứ chín. Ba câu trên nêu
ra thể, câu thứ tư kết lại. Nghĩa là, trong câu thứ nhất, chữ “do” thông
với Tam thừa, bốn chữ “công đức quá thất” thông với Nhị thừa. Trong
câu thứ hai, chữ “trí” thông với Tam thừa, còn chữ “vô phân biệt” chỉ là
Đại thừa. Trong câu thứ ba, hai chữ “xuất ly” thông với Tam thừa, chữ
“y tha” chỉ là Thanh văn, chữ “tự” thông với cả độc giác và đại thừa.
Có nghĩa là vì y tha, quán công đức Niết-bàn lỗi của sinh tử mà khởi lên.
Dùng trí quán lỗi của đức mà được xuất ly nên gọi là Thanh văn thừa.
Nếu không nương vào người khác, chỉ nương vào chính mình, đối với
pháp tự quán Niết-bàn, lỗi của sinh tử, mà khởi lên, tức dùng trí quán
lỗi của đức này mà được xuất ly thì gọi là Độc giác thừa. Nếu không
nương vào người khác chỉ nương vào chính mình khởi lên trí vô phân
biệt quán pháp chân như, lợi ích tất cả mà xuất ly thì gọi là Đại thừa.
Song Đại thừa này tuy quán lỗi của đức, hiển bày sự cầu Nhất thiết trí,
để độ cho tất cả hữu tình, không phải vì lỗi quán đức, nên lược không
nói. Tuy lúc ở nơi nhân Độc giác, Bồ-tát cũng nương vào người khác,
vì căn tánh đó và đặc quả sinh ra chỉ thích nương vào chính mình, nên
lược không nói ra. Trong đây, trí hướng về mình nương vào quả, đều là
chánh nhân đã quán người khác v.v... đều là thông suốt với duyên. Chỉ
nương vào hai thứ này, mà nói riêng về Tam thừa thì chẳng phải tất cả

hành đều đồng với hành.

Luận rằng: Từ “Nên biết thừa”, đến “hiển bày nghĩa của nó”.

Thuật rằng: Vì trong bài tụng nói thì chung mà nghĩa thì có riêng, đây là trường hàng nói như thuận theo nghĩa.

Luận rằng: Từ “Nếu nghe từ người khác nói”, đến “gọi vô thượng thừa”.

Thuật rằng: Tam thừa sai biệt như văn dễ biết, phối hợp với bài tụng như trước.

Luận rằng: Từ “Đã nói về nghĩa của thừa” đến “hoặc nghĩa của bỉ sở quán”.

Thuật rằng: Câu đầu nêu chung, ba câu dưới nêu ra thể. Trong đây có năm nhược, ba nhược đầu là hữu vi, hai nhược sau là vô tri.

Luận rằng: “Nên biết trong đây đã nói tên v.v...”

Thuật rằng: Trong đây, không tương ứng, gọi là tối vi thắng, có thể nhiếp các pháp, nêu lên cái khác v.v... tất cả đều là dã pháp. Song pháp của bình v.v... chẳng phải pháp uẩn khác v.v..., tuy đã không nói ra. Luận xưa nói: có lời nói tên là câu vị v.v... là không như vậy, chẳng phải tất cả không tương ứng, vì đều có lời nói.

Luận rằng: “Nhân gọi là chủng tử, được nhiếp trong tàng thức”.

Thuật rằng: Hoặc hiện hành, hoặc chủng tử đều gọi là nhân.

Luận rằng: “Tướng gọi là khí thân, còn thọ dụng thì đầy đủ”.

Thuật rằng: Thể của tướng dễ biết nên gọi là tướng. Khí nghĩa là núi, sông v.v... Thân là năm căn bốn trần tụ hợp thành thân. Thọ dụng cụ tức là năm dục tứ cụ, đây không lựa ra riêng thức nào là sở biến, chủng loại này tức là thân nhiếp trong đây.

Luận rằng: “Cập chuyển thức nhiếp ý thủ tư duy”.

Thuật rằng: Tướng do chưa được cùng tận, luận thuyết đã nói. Đây là nhân khác, nên nói thuộc về tàng thức. Một là ý, xưa gọi là tâm, hai là thủ; ba là tư duy. Xưa gọi là phân biệt, tức khác với đây vậy.

Luận rằng: Từ “Ý gọi là hằng thời” đến “vì tất cả cảnh”.

Thuật rằng: Thức thứ bảy, thứ năm, thứ sáu, như lần lượt nên biết. Xưa luận rằng: thức thứ sáu gọi là phân biệt, vì đầy đủ ba phân biệt. Nay so sánh bốn tiếng Phạm không có lời này, mà chỉ gọi là tư duy, vì nó tìm tòi tư duy, chỉ hay ngữ ngôn và hành động vậy. Trong đây không nói tâm sở pháp là vì chỉ nêu lên vua kiêm cả thân. Hoặc thức thứ tám cũng chỉ nêu ra cảnh mà không nói kiến phần của nó, vì tướng phần dễ biết, kiến phần khó biết. Còn các thức thứ bảy, thứ năm, thứ sáu không nêu ra cảnh đó vì thức dễ biết. Từ trước đến nay đã bàn về

nó quá nhiều. Ở đây nói không có tâm sở. Vì đây là phẩm nói về Tâm Vương vậy.

Luận rằng: Từ “Nếu giả lập như vậy” đến “chung gọi là hữu vi”.

Thuật rằng: Đây là kết trên nói về các pháp hữu vi. Nay nói tương ứng pháp, tức là thuộc về tâm v.v... Vì đối với bảy thức v.v... thể tướng dễ biết, tuy chung gọi là tướng, vì cùng với pháp khí v.v..., hành tướng khác nhau. Trong đây lại nói riêng về tương ứng pháp.

Luận rằng: Từ “Hoặc tịch tịnh” đến “vì cảnh sở duyên”.

Thuật rằng: Trạch diệt vô vi, vắng lặng, vì dứt được sự ồn náo xen lẫn nhau. Chân như không như vậy, nên chỉ nói riêng, nghĩa khác có thể biết.

Luận rằng: Từ “Đã nói như vậy” đến “chung gọi là vô vi”.

Thuật rằng: Đây là tổng kết phần trên. Nhưng văn luận xưa không có nghĩa sở quán, lại cho rằng năng tịch chính là cảnh tịch tịnh, đây nói trái vậy. Nhưng có thể chứng đạo vì làm chủ, nhiếp chung tất cả vô lậu hữu vi. Nay nói vô vi là vì chẳng phải do nghiệp phiền não gây ra. Nhưng đây có thể nói thông với hữu vi và vô vi, như Đối pháp quyển thứ hai đã nói.

Luận rằng: Từ “Nên biết trong đây” đến “gọi là thiện xảo của uẩn v.v...”.

Thuật rằng: Trước nay đã nói về mười cảnh của uẩn... Từ đây trở đi là nói duyên với trí, nên gọi là thiện xảo.

Luận rằng: nghĩa chung của chân thật đến sở hiển chân thật.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phần lớn thứ ba đúc kết lại những điều trên đã nói. Tổng kết bao gồm giải thích thể không tăng không giảm, nói về mười nguyên do v.v...

Luận rằng: Từ “Năng hiển chân thật” đến “hiển thị”.

Thuật rằng: Gồm có hai thứ là tổng năng hiển và biệt tổng hiển.

Luận rằng: “Sở hiển có chín. Một là, lìa tăng thượng mạn sở hiện chân thật”.

Thuật rằng: Luận xưa nói sở hiển sau có mười. “Mạn” nghĩa là Độc giác nương vào xuất ly. Nay nói tức là đồng với Thanh văn, vì xuất ly này phân biệt sinh ra, tức là tướng chân thật, biết sở chấp không phải y tha vọng có, lìa tăng thượng mạn.

Luận rằng: “Hai là, đối trị điên đảo sở hiện chân thật”.

Thuật rằng: Ba vô thường v.v... không ngược với chân thật, vì đối trị bốn điên đảo.

Luận rằng: Từ “Ba là, thanh văn thừa” đến “vì vi tế có thể giải thoát”.

Thuật rằng: Nhân quả bốn đế chân thật nghĩa là hàng Thanh văn xuất ly thô tế hai đế chân thật; Đại thừa xuất ly, do vì tục thô, có thể thành thực hữu tình, thực hành hạnh lợi tha, do thắng nghĩa vi tế, có thô tự giải thoát, thực hành hạnh tự lợi, chẳng phải hàng Thanh văn thừa có việc như vậy, nên mỗi thứ đều khác nhau. Xưa luận nói rằng: thô thành thực hữu tình và pháp, tế giải thoát chúng sinh và pháp đều là trái.

Luận rằng: Từ “Năm là, có thể hàng phục luận khác”, đến “hiểu rõ Đại thừa sở hiện chân thật”.

Thuật rằng: Trong Cực thành thật chứng thành đạo lý, nương vào dụ đạo lý thành tựu nghĩa đã nói, có thể hàng phục được người khác. Hai tịnh đã hiện hành gọi là hiển Đại thừa, vì hai chương hai đoạn thành tựu Đại thừa.

Luận rằng: “Nhập vào tất cả sở tri sở hiện chân thật”.

Thuật rằng: Tức là thuộc về chân thật. Tất cả những gì đã biết không ngoài năm việc. Do ba thứ nhiếp năm thứ khiến cho hiểu rõ năm thứ, nên lập tên nhập.

Luận rằng: “Tám là, hiển bày không hư vọng chân như, sở hiện chân thật.

Thuật rằng: Tức là thật sai biệt, bảy thứ chân như.

Luận rằng: “Chín là, nhập vào ngã chấp sự, tất cả bí mật sở hiện chân thật.

Thuật rằng: Tức là mười thiện xảo thật. Ngã kiến của uẩn v.v... gọi là ngã chấp, ngã chấp tức là sự, nên gọi là ngã chấp sự. Tất cả bí mật tức là bốn bí mật, tức là đối trị v.v... Vì giải trừ ngã chấp nhập vào tất cả bí mật. Nói mười thiện xảo đối trị ngã kiến, nên gọi là đối trị bí mật. Khiến cho nhập vào chánh pháp nên gọi là linh nhập bí mật, tùy theo nghĩa như vậy, như luận Nhiếp Đại thừa, luận Đối Pháp v.v... đã nói. Hoặc ngã chấp, nghĩa là mười ngã kiến sự. Tức là kiến sở y sự, nghĩa là mười pháp uẩn v.v... là nhập vào ngã chấp này, vì sự của sở y và tất cả bí mật. Mười thiện xảo chân thật này, luận xưa sở hiện mười thứ sau, chuẩn theo nghĩa biết chẳng phải, vì có khả năng hiển bày cái khác là một, chỉ là mười chân thật, nên biết chẳng phải.

PHẨM THỨ BỐN: BIÊN LUẬN TU ĐỐI TRỊ

Nhiễm và thiện ngược nhau nên gọi đó là đối. Thiện xảo trừ đi nhiễm, lập ra tên trị. Đây chẳng phải tự sinh ra, cần phải tu tập mới khởi lên, vì vậy gọi là phẩm đối trị.

Luận rằng: Từ “Đã nói chân thật” đến “pháp Bồ-đề phần”.

Thuật rằng: Phẩm này có ba phần. Đầu là kết lại điều đã nói ở trước và nêu tên phẩm để nói. Hai là, từ “trong đây” trở đi là nói về Giác phần. Ba là, từ “tu đối trị tổng nghĩa” trở đi là kết lại nghĩa tu ở trước. Đây tức là phần đầu. Đối trị là gì? Tức là tu tất cả pháp Bồ-đề phần, nêu ra thể của đối trị. Nhưng đối trị lại có rất nhiều, đây rộng nhiếp cái khác nên chỉ nói đây.

Luận rằng: “Trong đây trước nên nói tu niệm trụ”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phần thứ hai nói về Giác phần. Ở trong phẩm này có mười bốn bài tụng, gồm chia làm ba: Phần đầu có mười hai bài tụng chỉ nói về đạo phẩm. Còn bài tụng thứ mười ba, mười bốn nói về các tướng sai biệt của tu giác phần. Trong mười hai bài tụng được chia làm sáu: Đầu có một bài tụng nói về tu niệm trụ, kế một bài tụng nói về tu chánh đoạn, bốn bài tụng kế nói về tu thần túc, kế có hai bài tụng nói về tu căn lực. Đã hiểu rõ chung căn lực rồi, lại có nữa bài tụng nói chung về địa vị của căn lực, cho nên không phân biệt căn lực thành hai môn. Kế có hai bài tụng nói về tu Giác chi. Kế có hai bài tụng nói về tu đạo chi. Song giác phần của bảy vị tuy lai không đồng, nên để tu đối trị đạo thì trước phải tu niệm trụ. Luận Đối Pháp quyển thứ mười nói: “Vì thế đầu tiên là chánh quán sát sự tướng của chân như, kiến lập niệm trụ”. Như kia nói rộng, nên trước nói đây. Trong đây có hai, phần đầu là từ “chọn chung giữ gìn” trở đi là làm rõ; phần sau là từ “tụng rằng” trở đi là nương vào nêu lên giải thích chính. Đây tức là phần đầu.

Luận tụng rằng: Từ “Do thô trọng ái nhân”, đến “tu niệm trụ nên biết”.

Thuật rằng: Hai câu tụng trên nói về sở trị của niệm trụ, hai câu tụng dưới nói về ý tu niệm trụ.

Luận rằng: Từ “Thô trọng do thân”, đến “nhập vào khổ Thánh đế”.

Thuật rằng: Hữu lậu thô trọng do thân hiển bày nó, vì quán thân mà biết thô trọng. Vì thân biết thô trọng, nên thân là quả của khổ, quán nhập vào khổ đế. Luận Đối Pháp quyển thứ mười nói: “Tất cả sắc thân

đều là tướng của hành khổ, thô trọng đã hiển bày, nên quán ở nơi thân chính là đoạn được thô trọng”.

Luận rằng: “Thân có thô trọng là do các hành làm tướng”.

Thuật rằng: Đây là giải thích thô trọng vì do thân.

Luận rằng: Từ “Do các thô” đến “hữu lậu đều khổ”.

Thuật rằng: Thô trọng nghĩa là không phải tên khác của điều nhu. Hữu lậu sắc thân do có thô trọng này, lấy các hành làm tướng của thể, tức là hành khổ, nên quán là khổ. Đối Pháp nói rằng: “Vì thế lúc tu quán hành thì đối trị được nó, do thân được khinh an vậy”. Song thô trọng chỉ có nhiễm, có thông với dị thực, có thông với vô lậu. Như xem Du-già quyển thứ hai, Duy Thức Sớ sau thì rõ.

Luận rằng: Từ “Các hữu lậu thọ” đến “nhập vào Tập Thánh đế”.

Thuật rằng: Đối pháp đồng với đây, văn dễ có thể biết. Nhưng trước hiển rõ trong đế, thọ là khổ đế, vì sao nay quán nhập vào tập đế? Vì đã hưởng về cái khác. Như hưởng về nhân thành thực tức là khổ đế, nếu sinh nghĩa của ái quán nhập vào tập đế, vì nhân của tập đế, ái là thọ quả, quán nên nhập vào khổ, vấn nạn như đây, như lý nên suy nghĩ.

Luận rằng: Từ “tâm là ngã chấp” đến “nhập vào Diệt Thánh đế”.

Thuật rằng: Tâm là ngã chấp, là sở y, sở duyên của tự thể. Quán biết tâm ngã kiến này liền đoạn, nên nhập vào diệt đế.

Luận rằng: “Bố ngã đoạn diệt do lìa đây”.

Thuật rằng: Chưa chứng diệt đế, ngã kiến luôn luôn sinh, tu đạo cầu diệt, vì thường sợ ngã đoạn. Nay quán tâm là ngã chấp sự, ngã kiến đã đoạn, sợ hãi cũng không, do đây nhập vào diệt lìa ngã sợ hãi. Nên Đối Pháp nói: “Quán lìa ngã thức, nên quán không có tất cả sợ hãi ngã đoạn môn, vì sinh về Niết-bàn sợ hãi, vĩnh viễn xa lìa”. Văn tuy giải thích trái, ý đồng với đây.

Luận rằng: Từ “Vì quán sát pháp” đến “nhập vào Đạo Thánh đế”.

Thuật rằng: Đối với pháp nhiễm tịnh, tất cả ngu si, quán pháp có thể lìa nên quán nhập vào đạo. Nhưng Đối pháp nói: “Vì đoạn pháp sở trị, vì tu pháp năng trị, lúc quán pháp có thể nhập vào đạo đế”.

Luận rằng: Từ “Vì thế mà nhập vào” đến “bốn niệm trụ quán”.

Thuật rằng: Đây là kết lại phần trước nói về nghĩa, giải thích hai câu tụng dưới, trong đây chỉ căn cứ vào đế quán mà nói. Luận Đối Pháp lại có đoạn nói trừ bốn đảo, được bốn ly phần, hợp thành ba nghĩa

thuyết.

Luận rằng: Từ “Đã nói tu niệm trụ” đến “cần tu bốn Chánh đoạn”.

Thuật rằng: Đây là giải thích nửa bài tụng đầu là kết lại niệm trụ, hai câu tụng sau nói về tu chánh đoạn và ý của tu.

Luận rằng: Từ “Trước tu niệm trụ” đến “phẩm loại sai biệt”.

Thuật rằng: Đây là giải thích nửa bài tụng trên. Bốn đế lý tức là năng trị, bốn thứ cảnh tức là sở trị.

Luận rằng: Từ “Nay là xa lìa” đến “tinh cần tu tập”.

Thuật rằng: Trong đây có sáu câu, đây là hai câu đầu giải thích ba chữ “Vi viên ly” trong câu tụng thứ ba. Hai câu kế tiếp là giải thích câu thứ tư của bài tụng.

Luận rằng: “Như đã nói sinh ra cho đến nói rộng”.

Thuật rằng: Đây chỉ có kinh nói hiển bày bốn Chánh đoạn. Như kế kinh nói, đã sinh pháp ác, bất thiện, vì khiến cho đoạn dứt. Đây là nêu ra một chánh đoạn. Cho đến nói rộng nghĩa là sinh ra muốn khuyến khích phát khởi chánh cần, thúc đẩy tâm giữ gìn tâm, cho đến ba chánh đoạn khác, là nói như đây. Như luận Hiển Dương Thánh Giáo quyển hai, luận Đối Pháp v.v... đã nói. Và kinh Bồ-tát Tạng cũng có thuyết này. Pháp uẩn tức là nói không đồng với đây, không có thể chứng được.

Luận rằng: Từ “Đã nói tu chánh đoạn”, đến “cần tu tám đoạn hành”.

Thuật rằng: Nói về bốn Thân tức, gồm có bốn bài tụng. Bài tụng thứ nhất nêu ra thể dụng này; Bài tụng thứ hai nói về sở trị của dụng; Bài tụng thứ ba nói về năng trị của dụng. Đây tức là phần đầu. Ở trong bài tụng này hai câu trên nói về tu thân tức tự tánh và ý của tu, hai câu dưới nói về dụng của thân tức.

Luận rằng: Từ “Nương vào sở tu ở trước” đến “khả năng rất mực”.

Thuật rằng: Nương vào trong Chánh đoạn ở trước, xa lìa hai ác, tu tập hai thiện và tinh tấn. Đó là giải thích chữ “y” trong bài tụng. Tâm liền an trụ, tức là giải thích chữ “trụ”. Hữu sở thậm năng nghĩa là dụng của tâm. Ban đầu giải thích về chữ “thậm năng”, luận dưới tự rõ. Đây tức là giải thích câu tụng thứ nhất.

Luận rằng: Từ “Vì thắng sự thành” đến “vì nhân của thắng sự”.

Thuật rằng: Đây là giải thích câu tụng thứ hai. Vì thắng thần thông v.v... sự thành, nên tu thân tức này. Thắng sự tức là tất cả các việc, vì là thắng sự là nhân của sở y. Thắng sự hiểu rõ thân, thắng nhân

hiểu rõ tức, lúc gia hạnh trước đã cầu thắng sự, nhân của thắng sự tức là thần tức.

Luận rằng: Từ “Trụ nghĩa là tâm trụ”, đến “nói bốn Thần tức”.

Thuật rằng: Đây là thể của trụ rộng, tức là đối với định đều có thể lia ác, tu tập các thiện rồi, kể nói về thần tức mà tâm an trụ.

Luận rằng: Từ “Tánh thậm năng này” đến “tu tám đoạn hành”.

Thuật rằng: Tức là tánh thể của thậm năng này rộng.

Luận rằng: Từ “Vì sao gọi là vi” đến “năm lỗi nên biết”.

Thuật rằng: Ba câu trên nêu ra thể của năm lỗi, câu thứ tư kết lỗi nên biết, nhưng câu thứ nhất thì văn trường hàng không thấy giải thích. Giải đãi có thể biết. Vọng Thánh ngôn nghĩa là, luận xưa nói Vọng tôn giáo tức là Hòa Thượng, A-xà-lê, giác giới, giáo thọ. Nhưng nay bậc Thánh nói, tức là lượng số của Thánh nói, vì xứng hợp với lý, có thể tin, gọi là Thánh ngôn. Dầu cho chẳng phải bậc tôn sư nói có thể tin dùng, tức gọi là Thánh ngôn. Câu trường hàng tự giải thích.

Luận rằng: nên biết trong đây đến hợp làm một lỗi.

Thuật rằng: Vì một năng trị cho nên gồm nó.

Luận rằng: Từ “Nếu là trừ diệt” đến “đầy đủ các lỗi”.

Thuật rằng: Đây là giải thích câu tụng thứ ba. Để trừ đi hôn trụ, thì phải có gia hạnh siêng năng để cầu đoạn nó. Nếu không tu gia hạnh nên thành lỗi. Sau khi đã đoạn xong, nên nhờ vào tâm đó, bình đẳng lưu chú trụ vào vô công dụng. Lại có gia hạnh tuyên nói động tâm đó, nên không làm và làm cả hai đều có lỗi.

Luận rằng: Từ “Vì trừ năm thứ này” đến “hành tướng kia ư?”

Thuật rằng: Đây là hỏi về sinh năng trị.

Luận tụng rằng: Từ “Vì đoạn trừ giải đãi” đến “phục hành diệt đẳng lưu”.

Thuật rằng: Bài tụng thứ nhất nêu lên một lỗi và bốn năng trị. Trong bài tụng thứ nhất, câu thứ nhất nói về sở trị; câu thứ hai nêu ra năng trị. Còn các câu ba và bốn nêu ra các nghĩa của năng trị, hợp trị nguyên do của một lỗi. Sở y có một, năng y có hai, sở nhân có ba, năng quả có bốn. Trong bài tụng thứ hai, câu thứ nhất là sở trị, câu thứ hai thuật lại năng trị, câu thứ ba và bốn mỗi câu nêu ra nghĩa của hai thứ năng trị, nguyên do của trị khác. Ký ngôn có một, giác trầm trạo có hai, phục hành có ba, diệt đẳng lưu có bốn, Trường hàng tự biết.

Luận rằng: Từ “Vì diệt giải đãi” đến “tức là sở y v.v...”

Thuật rằng: Đây chính là giải thích hai câu đầu của bài tụng thứ nhất, còn nửa bài tụng sau nói về bốn năng trị.

Luận rằng: Từ “Sở y nghĩa là dục” đến “vì nương vào dục khởi lên”.

Thuật rằng: Đây là giải thích câu thứ ba của bài tụng đầu. Luận Đối Pháp nói: “Dục là siêng năng dựa vào do muốn cầu, vì được nghĩa này nên phát tâm siêng năng tinh tấn”.

Luận rằng: Từ “Sở nhân nghĩa là tín” đến “liền vì hy vọng”.

Thuật rằng: Vì tin Tam bảo liền khởi lên sự mong muốn, nên tin là muốn sinh khởi gần gũi với nhân. Luận Đối pháp nói: “Muốn cầu như vậy, không lia tín thọ, vì có thể v.v...”

Luận rằng: Từ “Năng quả nghĩa là an” đến “vì đắc thắng định”.

Thuật rằng: Do siêng năng nên đắc định, định khởi nên an lập. Vì có thể nương vào sự tinh tấn sinh ra quả, nên gọi là năng quả, chẳng phải năng tức là quả. Trên đây là gồm giải thích câu thứ tư của bài tụng đầu. Luận Đối Pháp chỉ khai an, vì nhiếp thọ lợi ích thân và tâm, căn cứ vào công năng của an để nói về năng trị.

Luận rằng: Từ “Vì muốn đối trị” đến “tức là ký ngôn v.v...”

Thuật rằng: Trong đây, hai câu đầu là giải thích câu thứ nhất của bài tụng thứ hai; còn lại là giải thích câu thứ hai. Lại nữa, từ trước đến nay, đều thuộc về nửa bài dưới, tức là ký ngôn v.v...

Luận rằng: Từ “Ký ngôn nghĩa là niệm” đến “vì hai lỗi”.

Thuật rằng: Đây là giải thích về hai dụng năng trị ở trong câu thứ ba của bài tụng thứ hai. Tùy theo khởi lên trầm trạo, tức là năng tùy giác nên nói là tùy giác.

Luận rằng: Từ “Phục hành nghĩa là suy nghĩ”, đến “phát khởi gia hạnh”.

Thuật rằng: Trầm trạo lỗi mình v.v..., đây là kết phần trước. Vì muốn phục trừ nên khởi lên gia hạnh, chính là giải thích về phục hành. Vì gia hạnh đạo này chưa có thể đoạn ngang được, nên nói là phục trừ.

Luận rằng: Từ “Diệt đẳng lưu” đến “bình đẳng mà lưu chuyển”.

Thuật rằng: Đã đoạn diệt rồi v.v... kết phục hành ở trên. Đây chính là giải thích chữ diệt. Tâm liền trụ xả bình đẳng mà lưu chuyển chính là giải thích về đẳng lưu. Luận Đối Pháp quyển thứ nhất giải thích trong xả rằng: “Ban đầu tâm bình đẳng, kế đến tâm ngay thẳng, kế tâm không có công dụng”. Đây sẽ là nhậm vận thứ ba kia mà bình đẳng lưu chuyển. Vì trước sau tương tự nhau, nên gọi là bình đẳng. Vì niệm niệm tùy theo duyên nên gọi là lưu, nên trừ diệt rồi tạo tác ra lỗi gia hạnh. Đây cũng là giải thích chung hai thứ năng trị ở câu thứ tư. Trong đây nói diệt, hoặc phục hoặc đoạn đều nói đoạn diệt, chẳng phải trong vị này

đã có thể đoạn chương. Nhưng Đối Pháp lại phân làm bốn, không giống với đây, vì căn cứ vào nghĩa riêng.

Luận rằng: Từ “Đã nói tu thần túc” đến “vì sao an lập”.

Thuật rằng: Từ phần thứ tư này trở xuống nói về tu căn lực. Trong đây có hai bài tụng, bài thứ nhất nói về tu năm căn, nửa bài kế nói về tu, nửa bài kế nói chung về vị của căn lực, kế sẽ giải thích về căn, kết lại lời hỏi.

Luận tụng rằng: Từ “Đã là chủng loại thiện thuận theo phần giải thoát”, đến “không tán loạn, suy nghĩ chọn lựa”.

Thuật rằng: Câu thứ nhất kết lại phần thần túc ở trên, ba câu dưới chính là nói về tu căn. Câu thứ hai là còn giải thích thêm nghĩa của căn, thông với năm căn, đều nói là tăng thượng.

Luận rằng: Từ “Do bốn Thần túc” đến “thiện căn đầy đủ rồi”.

Thuật rằng: Đây là giải thích câu tụng đầu. Chữ “do” là lời chuyển câu thứ ba. Nghĩa là, do thần túc có thể diệt được năm lỗi, tu tám đoạn hành, tâm có khả năng kham nổi. Vị này tức là thuận theo phần giải thích, thiện căn đầy đủ tâm mà tu tập, nên nói là đầy đủ rồi.

Hỏi: Bốn Thần túc này đã nói tâm đầy đủ phần giải thoát, tu tập niệm, trụ chánh đoạn, đối với bốn tâm vị nào tu tập?

Đáp: Ở phần chung này, tâm đầy đủ tu tập kia, nhưng có trước sau.

Lại giải rằng: Tuy không có phần chánh văn, lấy nghĩa để chuẩn theo. Như nói có bộ Ngũ đình tổng biệt, là thuận theo tâm quyết chọn phương tiện, tức là thuộc về phần khác. Nay đây đã nói bốn thứ thần túc, thuận theo phần giải thoát tâm, đầy đủ tu tập thuộc về phần giải thoát, nên biết niệm xứ tại vị ở trước, chẳng phải thuận theo phương tiện của phần quyết chọn, nhưng phẩm này chưa thông. Căn cứ vào Bồ-tát trở xuống và cùng với hàng nhĩ thừa đều tu phẩm đạo. Văn này không chương ngại hàng Nhị thừa, thần túc ở phần giải thích. Cho nên biết niệm trụ, lập ra luận Tát Bà Đa, chẳng phải là quyết chọn, nên đối với nghĩa này nên đặt ra nhọc nhằn.

Luận rằng: “Lại phải tu tập bảy thứ tăng thượng”.

Thuật rằng: Đây là giải thích câu tụng thứ hai. Nói tăng thượng tức là gần thì sinh ra năm lực, xa hơn thì sinh ra quả thượng đạo.

Luận rằng: Từ “Một là dục tăng thượng” đến “tức là năm căn tín v.v...”

Thuật rằng: Tín, Tấn, Niệm Định, Tuệ như lần lượt nên biết. Tinh tấn căn gọi là gia hạnh, vì khuyến khích phát khởi tâm thù thắng, vì

định gia hạnh. Các căn còn lại dễ, có thể biết.

Luận rằng: Từ “Đã nói tu năm căn” đến “thứ lớp vì sao?”

Thuật rằng: Thứ hai là nói về lực. Ba câu trên là kết trước, hai câu dưới là sinh sau. Vì có hai lời hỏi: ”Vì sao năm lực?” tức hỏi về Thể tánh; “Thứ lớp như thế nào?” là hỏi về trước sau.

Luận tụng rằng: tức là tổn chương gọi là lực nhân quả lập ra thứ lớp.

Thuật rằng: Câu thứ nhất là trả lời về thể tánh. Tức là, năm căn có thể tổn hại chương ngại, nên nói đó là lực. Câu thứ hai là trả lời về thứ lớp, vì nương vào nhân quả lập ra thứ lớp.

Luận rằng: Từ “Tức là như trước đã nói” đến “lại nói là lực”.

Thuật rằng: Đây là giải thích ba chữ Tức, Danh, Lực trong câu tụng đầu, thể của nó không khác nhau.

Luận rằng: Từ “Nói là năng phục diệt” đến “vì đã lãng tạp”.

Thuật rằng: Đây là giải thích hai chữ “tổn chương” trong câu tụng đầu. Do bất tín v.v... chính là các sở trị này. Tín này v.v... có thể hàng phục các sở trị. Nếu không phải là vô lậu, thì không thể đoạn diệt. Các tín v.v... này không chỉ có thể hàng phục được các chương của tín v.v... cũng không vì nó mà không tín các tín quấy nhiễu. Nghĩa là hàng phục được tín nên khiến chúng không sinh khởi, nên gọi là là “lãng”. Chữ “tạp” có nghĩa là gián cách. Tuy đã khởi tín... nhưng vì bất tín v.v... đã làm nó gián đoạn không phát sinh, nên gọi là “tạp”. Nay vì hợp lại không có, nên gọi là “lực”, đối với căn vị thì không như vậy mà chỉ gọi là căn. Đây tức là căn lực mà trước đã nói nguyên do. Trên đây là giải chung câu tụng đầu để trả lời câu hỏi thứ nhất vậy.

Luận rằng: Từ “Năm thứ lớp này” đến “vì dẫn quả sau”.

Thuật rằng: Đây là giải thích chung câu thứ hai, để trả lời chung câu hỏi thứ hai.

Luận rằng: Từ “Nếu như quyết định” đến “nên thứ lớp này nương vào nhân quả lập ra”.

Thuật rằng: Đây là giải thích riêng câu thứ hai, để chỉ trả lời câu hỏi thứ hai. Trong bài tụng nói về nhân quả, chẳng phải đã tin vào nhân quả nên lập ra thứ lớp, nhưng xét trong tướng thì sinh nhân trước quả sau, nên mới lập ra thứ lớp, vì khi đã tin thì mới nói nhân quả vậy. Luận Đối Pháp nói: “Đó là nhân quả nhiễm tịnh của tứ Đế vậy”. Phối hợp với năm thứ tín v.v... như lần lượt có thể biết, không phải việc thì không biện luận được chân vô lậu.

Luận rằng: Từ “Như trước đã nói” đến “sau tu năm căn”.

Thuật rằng: Đây là phần thứ ba giải thích địa vị của căn lực tu. Trước là hỏi, trong đây trước điệp văn sau mới hỏi. Trước điệp văn này, nghĩa là giải thích căn kết tu bốn Thần túc, mới là văn tu căn.

Luận rằng: Từ “Địa vị nào tu tập” đến “địa vị năm lực ư?”

Thuật rằng: Tuy đối với phần giải thoát v.v... nói về tu niệm trụ v.v... nhưng nay lời hỏi này, căn cứ vào căn và lực nói về tu quyết chọn, sự chung và riêng nương vào nhau, lấy chung làm chủ. Căn cứ vào giải thoát mà nói, niệm trụ v.v... giả thật nói riêng, lấy thật làm lời nói, căn lực là thật, quyết chọn là giả, nên căn cứ vào căn lực mà nói tu quyết chọn v.v...

Luận tụng rằng: Thuận theo quyết chọn bốn thứ ở nơi năm căn, năm lực”.

Thuật rằng: Thuận theo quyết chọn phân làm bốn thứ, hai thứ trước hai thứ sau, cả hai đoạn nói riêng nên nói là bốn thứ, văn khác có thể hiểu rõ.

Luận rằng: Từ “Thuận theo phần quyết chọn” đến “địa vị năm lực”.

Thuật rằng: Thuận theo phần quyết chọn là giải thích ba chữ đầu của câu tụng, tức giải thích chữ “năm căn”. Nhưng trong bài tụng thuận theo phần quyết chọn là chung, còn lại là riêng. Nhưng chỉ một chữ “tại” là đã thông suốt cả căn lực.

Luận nói: Từ “Đã nói tu năm lực” đến “vì sao an lập?”

Thuật rằng: Đoạn lớn thứ năm vì giải thích “giác chi”, nên tổng kết khởi lên lời hỏi, an lập tức là tự tánh hành tướng chung của lời hỏi.

Luận tụng rằng: Từ “Giác chi lược có” đến “và ba vô nhiễm chi”.

Thuật rằng: Trong phần trả lời có hai bài tụng. Bài tụng đầu buộc bảy làm năm, nêu ra tự tánh hành tướng. Bài tụng sau giải thích sự an lập v.v..., lấy ba khế hợp làm vô nhiễm. Trong bài tụng đầu này, câu thứ nhất căn cứ vào chung về sự buộc làm năm; ba câu dưới nêu ra riêng của năm chi.

Luận rằng: Từ “Đây là trợ giác chi”, đến “địa vị ở kiến đạo”.

Thuật rằng: Đây là giải thích hai chữ “giác chi” trong bài tụng. “Giác” là nghĩa của chọn lựa, tức là tuệ vô lậu. Ngoài nó ra sáu trợ khác nhằm trợ giúp cho niệm giác này, nên gọi là giác chi. “Chi” là phần nghĩa. Tự tánh của niệm này, trợ dẫn các niệm sau cùng nhập vào giác chi nên gọi là giác chi. Hoặc niệm giác này, hiện tại, giúp đỡ cho chủng loại, chủng loại sau giúp đỡ cho hiện tại nên gọi là giác chi. Do địa vị

giác này ở kiến đạo đều được vô lậu nên lập ra tên giác. Nhưng Biên Trung Biên xưa đồng với đây, các Pháp sư v.v... đều không thể biết.

Luận rằng: “Nói rộng có bảy thứ, nói lược có năm chi”.

Thuật rằng: Đây là giải thích năm chữ trong bài tụng. Do nói rộng vốn có bảy thứ nên tụng nói lược.

Luận rằng: Từ “Một là, giác sở y chi” đến “nói là trạch pháp”.

Thuật rằng: Địa vị năm lực trói buộc tâm khiến cho các pháp thiện không vọng mất; nay nhờ địa vị vô lậu nên trạch pháp được sinh. Trạch pháp nay tuy tương ứng với niệm nên cũng gọi là chi, vì là sở y. Niệm và trạch pháp tức là giải thích câu thứ hai trong bài tụng.

Luận rằng: Từ “Ba là, giác xuất ly chi” đến “nói là hỷ”.

Thuật rằng: Luận Đối Pháp nói: “Do sức tinh tấn có thể đạt đến khiến cho giác ngộ ra khỏi nên gọi là xuất ly chi. Do thế lực của hỷ thân được điều hòa, nên gọi là lợi ích. Nếu chưa được hỷ thân thường mạnh mẽ, thì có thể lấy hỷ giác làm lợi ích. Đây là giải thích câu thứ ba của bài tụng này.

Luận rằng: Từ “Năm là, giác vô nhiễm chi” đến “nói an định xã”.

Thuật rằng: Đây là giải thích chung câu tụng thứ tư kia.

Luận rằng: “Vì sao lại nói vô nhiễm có ba?”

Thuật rằng: Vì giải thích ba chi nên khởi lên lời hỏi. Bốn thứ khác mỗi thứ tùy theo tự tánh công lực, mỗi mỗi thứ nói riêng. Vì sao ba chi này gọi là vô nhiễm an lập? Luận xưa nói vì là địa vị khác nhau.

Luận tụng rằng: Từ “Do nhân duyên sở y” đến “nói vì vô nhiễm chi”.

Thuật rằng: Hai câu trên nêu ra nguyên do, hai câu dưới kết hợp lập ra.

Luận rằng: Từ “Khinh an tức la” đến “gần gũi với Đối Pháp”.

Thuật rằng: Đối Pháp chỉ nói, do khinh an có thể trị lỗi thô trọng của thân vậy. An tức là nhân duyên kia không có nhiễm, nên không giải thích riêng. Nay trong đây giải thích, nói nhân duyên mà chẳng phải thật là nhân duyên. Do thô trọng kia tức là các chủng tử, và ba tạp nhiễm chính là nhân duyên. Khinh an hướng về cái khác là gần gũi với đối trị, đây là điều nhu, còn kia cứng rắn trơn rít. Do khinh an này đối trị với nhân duyên, nên khinh an cũng được gọi là vô nhiễm nhân duyên.

Luận rằng: “Sở y nghĩa là định tự tại, tức là xã”.

Thuật rằng: Luận Đối Pháp nói: “Do nương vào định mới được chuyển y”. Định gọi là tác vô nhiễm sở y, vì xã sở y của tự tánh chi, tự

tánh tức là xã. Luận Đối pháp lại nói: “Vì có thể luôn luôn đối trị hai pháp tham và ưu, nên gọi là tự tánh. Tham và ưu hoặc có vui mừng nêu ra hành sinh, chưa có thể vắng lặng, nên xã trị kia, gọi là vô nhiễm tự tánh”. Chuẩn theo khả năng đối trị và trạch pháp chung, chỉ trừ đi tham và ưu là lực của xã. Tham ưu gọi là nhiễm, không phải nhiễm và ngược lại với đây, nên xã chính là vô nhiễm tự tánh.

Luận rằng: Vì vậy, nghĩa của vô nhiễm có ba”.

Thuật rằng: Đây là riêng kết câu hỏi trước, khi hỏi về nguyên do của ba chi vô nhiễm.

Luận rằng: Từ “Nói tu giác chi rồi”, đến “vì sao an lập?”

Thuật rằng: Phần thứ sáu này sẽ giải thích tu đạo chi. Đầu là kết lời hỏi, đồng với giác chi.

Luận tụng rằng: Từ “Phân biệt và hối thị”, đến “nên đạo chi làm tám”.

Thuật rằng: Trong phần giải thích đạo chi cũng có hai bài tụng. Bài tụng đầu nêu chung đạo chi gồm có tám thứ; bài tụng sau giải thích khiến cho người khác tu v.v... Mỗi thứ có ba nguyên do. Trong đây ba câu tụng trên, căn cứ vào thể làm luận, kết về ở tám thứ.

Luận rằng: Từ “Đối với địa vị tu đạo” đến “tám thứ lược còn bốn”.

Thuật rằng: Đây là giải thích câu tụng thứ tư. Nói về địa vị, rộng lược nhiều ít, trí thông không có giữ gìn, lập lấy tên đạo, chung riêng không đồng, lấy tên chi, đã chẳng phải chứng ban đầu, không lập tên giác. Sơ địa sơ quả đều thuộc về tu đạo, đều có chi này.

Luận rằng: Từ “Một là, phân biệt chi”, đến “vì tự sở chứng”.

Thuật rằng: Đây tức là trạch pháp, thâm nhiếp và hậu đắc trí, nên xuất thế căn bản trí, sau mới chứng đắc, vì có phân biệt đối với sở chứng trước, tạo tác bốn đế mười sáu tâm, nên gọi là phân biệt. Nhưng tu đạo này phải so sánh với luận Du-già quyển hai mươi lăm, văn của tướng kiến đạo.

Luận rằng: Từ “Hai là, hối thị chi” đến “vì hối thị tha”.

Thuật rằng: Chánh tư duy này là khởi lên nhân v.v... Chánh ngữ chính là phát ra lời dạy dỗ người khác, nên tư duy hoàn toàn là thiếu phần của chánh ngữ, vì căn cứ vào lời nói hoàn toàn, vì căn cứ vào nhân mà nói. Luận Đối Pháp nói: “Như sở chứng đó, vì phương tiện an lập phát ra lời nói”. Trên đây giải thích chung câu tụng thứ nhất.

Luận rằng: Từ “Ba là, linh tha tín chi” đến “chánh niệm chánh định”.

Thuật rằng: Đây là giải thích câu tụng thứ hai và câu thứ ba, như thứ lớp nên biết, tức là giải thích chung.

Luận rằng: “Do đạo chi này nói lược có bốn, nói rộng có tám”.

Thuật rằng: Đây là giải thích câu thứ tư trong bài tụng. Chữ “do” của tam chuyển này là để giải thích chữ “do” của ngũ chuyển.

Luận rằng: “Vì sao hai thứ sau, mỗi thứ đều chia làm ba”.

Thuật rằng: Đây là lời hỏi câu tụng thứ hai và thứ ba, tức là đoạn thứ hai.

Luận tụng rằng: Từ “Biểu hiện kiến giới xa lìa” đến “vì chướng tự tại”.

Thuật rằng: Đây là, hai câu trên giải thích “tín” có ba; hai câu dưới giải thích trị chướng có ba.

Luận rằng: Từ “Chánh ngữ có ba” đến “khiến cho người khác tin thọ”.

Thuật rằng: Đây là giải thích chung câu tụng thứ hai, như thứ lớp có thể biết.

Luận rằng: Từ “Nghĩa là do chánh ngữ” đến “hữu thắng xa lìa”.

Thuật rằng: Luận Đối Pháp nói: “Do có chánh ngữ nên tùy theo chỗ chứng của mình khéo có thể hỏi đáp bàn luận quyết chọn. Do có tánh nghiệp nên việc qua lại, tiến dừng đều có chánh hạnh đầy đủ, không tạo tác năm tà nghiệp v.v..., như luận Bà-sa Sở Sao đã nói. Do có chánh mạng nên theo đúng pháp xin cầu” Phật đã cho phép chấp nhận y bát, của cải đồ dùng”. Nay nói “ứng lượng” tức là không nên cầu xin nhiều, hay cầu xin mà tích trữ. “Ứng thời” là tùy theo thời đã tích trữ, không cầu vật phi thời, nên liền bốn việc là uống ăn v.v... Tin rồi liền có thù thắng xa lìa, tức là trụ trong chánh mạng thực hành hạnh ít muốn, biết đủ, nên gọi là viễn ly.

Luận rằng: Từ “Chánh tinh tấn v.v...có ba” đến “và chướng tự tại”.

Thuật rằng: Đây là giải thích chung câu tụng thứ ba và thứ tư, như sau có thể biết.

Luận rằng: Từ “Pháp Sở Đối này” đến “phẩm công đức thù thắng”.

Thuật rằng: Trước giải thích về sở trị, sau giải thích năng trị. Thứ nhất tức là tất cả tu đạo phiền não, nghĩa là mười pháp lớn. Thứ hai tức là tất cả tu đạo hoặc, trong đây chỉ căn cứ vào hành tướng chướng, nghĩa là thọ, như Duy Thức v.v... đã nói.

Luận rằng: Từ “Trong đây chánh tinh tấn”, đến “công đức thù

thắng”.

Thuật rằng: Luận Đối pháp nói: “Do có tinh tấn nên đối trị được tất cả chướng cần, chẳng phải là năng trị có thể đối trị được. Do có chánh niệm nên các vọng tướng không dừng kia vĩnh viễn không dung, không trôi lăn theo các tùy phiền não. Vì đây chẳng phải tướng năng trị không vọng dừng, nên nói năng trị dừng v.v... điều đó cùng với niệm giác tri vốn không trái nhau vậy. Vì kia chẳng phải là năng trị tức là chánh định. Có thể làm thanh tịnh chướng của công đức, nghĩa là có thể dẫn phát ra thần thông v.v... Định chẳng phải là năng trị, vì gần gũi với tương ứng, do vậy mà được chuyển y này. Trong giác y được gọi là sở y, nhưng thể tánh của đạo chi này đã phế lập. Các thứ chánh tư duy, giả, thật, hữu lậu, vô lậu v.v... đều như bản sao nói.

Luận rằng: “Các tu trị khác nhau, vì sao cần phải biết?”

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là đoạn lớn thứ hai nói về tướng sai biệt của tu giác phần, gồm có hai bài tụng. Bài tụng đầu nói về tu trị không đồng của Phàm và Thánh. Bài tụng sau nói về tu trị khác nhau của Nhất thừa và Nhị thừa. Đây là lời hỏi về phần đầu

Luận tụng rằng: Từ “Hữu đảo thuận với vô đảo” đến “tu trị sai biệt”.

Thuật rằng: Ba câu trên, như thứ lớp có phàm phu và hàng nhị Thánh riêng, câu thứ tư kết lại bài tụng đã nói.

Luận rằng: Tu đối trị này lược có ba thứ.

Thuật rằng: Đây là giải thích câu tụng thứ tư. Chữ “tu” là đúng nghĩa của chữ “tu”. “Đối trị” được hiểu là trị. Lược có ba thứ là giải thích sai biệt.

Luận rằng: “Một là, hữu điên đảo thuận với vô điên đảo”.

Thuật rằng: Đây là giải thích câu tụng đầu. Nay nói điên đảo là chung với tên phiền não, vì phàm phu đều có đủ, nên gọi là hữu điên đảo. Nhưng tánh của sở tu trị là hữu lậu, nên gọi là hữu điên đảo. Có thể sinh ra vô lậu nên gọi là thuận vô đảo. Hoặc căn cứ vào sở y gọi là hữu điên đảo, căn cứ vào đối trị mà bàn luận thì gọi là thuận vô đảo.

Luận rằng: “Hai là, vô điên đảo tùy theo hữu điên đảo”.

Thuật rằng: Thể của bậc tu trị hữu học là vô lậu, nên gọi là vô điên đảo, nhưng thân sở y của họ do có phiền não, nên gọi là hữu đảo tùy. “Tùy” là đuổi theo, vì đảo điên theo, tùy theo chỗ tu trị cũng có hữu lậu, chẳng phải đã nói đây, vì căn cứ vào lời nói chung.

Luận rằng: “Ba là, vô điên đảo và vô điên đảo tùy”.

Thuật rằng: Thể của bậc tu trị hữu học là vô lậu, nên gọi là vô

điên đảo, nhưng thân của sĩ y do có phiền não, gọi là hữu đảo tùy. “Tùy” là đuổi theo, vì đảo điên theo, tùy theo chỗ tu tri cũng có hữu lậu, chẳng phải đã nói đây vì căn cứ vào lời chung.

Luận rằng: “Ba là, vô điên đảo tùy”.

Thuật rằng: Tánh của bậc tu tri vô học đều là vô lậu, nên gọi là vô điên đảo. Thân sở y của họ, lậu đã đoạn hết, nên gọi là vô đảo tùy.

Luận rằng: Từ “Ba thứ như vậy” đến “địa vị hữu học, vô học”.

Thuật rằng: Đã nói như trước, nhưng bậc hữu học và vô học thông với Tam thừa, vì lý không có ngăn che.

Luận rằng: Từ “Bồ-tát Nhị thừa” đến “vì sao nên biết?”

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phần thứ hai, nói về tu tri khác nhau của phần Nhất thừa. Đây là nêu lên câu hỏi.

Luận tụng rằng: Từ “Bồ-tát đã tu tập” đến “cùng với Nhị thừa sai biệt”.

Luận rằng: Từ “Thanh văn, Độc giác” đến “thân v.v... là cảnh mà tu đối trị”.

Thuật rằng: Vả lại, như niệm trụ, hàng Nhị thừa chỉ duyên vào pháp tự thân, tự thọ, tự tâm v.v... mà tu đối trị. Bồ-tát cũng duyên vào thân và thọ khác, cho đến nói rộng, mà tu đối trị. Sở duyên rộng hẹp cùng với Nhị thừa khác nhau. Đây là nêu lên ở nơi thân so với tất cả cảnh sở duyên của đối trị mà nói vậy.

Luận rằng: Từ “Thanh văn, Độc giác” đến “hành tướng tư duy mà tu đối trị”.

Thuật rằng: Vì hàng Nhị thừa duyên vào đế lý, dùng trí vô thường có sở đắc mà hành tướng tư duy. Còn Bồ-tát duyên vào chân như, không lấy trí sở đắc hành tướng tư duy, mà tu đối trị, tạo tác ý tưởng rộng đã sai khác nên cùng với hàng Nhị thừa sai biệt.

Luận rằng: Từ “Thanh văn, Độc giác” đến “Vô trụ Niết-bàn”.

Thuật rằng: Hàng Nhị thừa nhằm chán sinh tử, vui vẻ cầu lìa sự ràng buộc, đắc ở Niết-bàn, chỉ cầu tự lợi. Bồ-tát vì tâm thương xót rộng lớn, vì không nhằm chán sinh tử, không vì thân lìa ràng buộc, không nhằm chán Niết-bàn, vì không lìa ràng buộc, chứng đắc quả thù thắng, nên so với hàng Nhị thừa khác xa.

Luận rằng: Từ “Bồ-tát và hàng Nhị thừa” đến “mà có sai biệt”.

Thuật rằng: Đây là giải thích chữ Bồ-tát ở câu thứ nhất, và giải thích câu thứ tư vậy.

Luận rằng: “Nghĩa chung của tu đối trị”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là đoạn lớn thứ ba, tổng kết ng-

hĩa của tu. Nay sẽ giải thích, trước nêu ra nghĩa tên, nhưng một đoạn này, luận xưa phẩm này đã không có, đến dưới đây sẽ biết.

Luận rằng: Từ “Nghĩa là khai giác tu” đến “tăng thượng tu”.

Thuật rằng: Khởi đầu mở ra giác tuệ, tức là ban đầu. Tụng nói bốn niệm trụ, tổn diệt pháp ác, khiến cho thiện pháp tăng trưởng, tức là bốn Chánh đoạn, nhờ đó mà được đức thù thắng. Như ngọc được mài giữa càng tăng thêm vẻ đẹp, làm cho nó rạng rỡ hơn, tức là bốn Thần túc vậy. Có dụng tăng thượng này rồi thì có thể làm phát triển thêm, tức là năm căn. Phẩm “Phát hậu thắng” đều gọi là thượng. Tánh của Thánh đạo gần gũi sinh ra Thánh đạo, nghĩa tức là năm lực. Chứng vô lậu ban đầu, nhập vào dòng Thánh rồi, công đức trội thêm, tức là tám Thánh đạo chi, tùy theo công năng riêng lập ra tên gọi này. Trên đây là tổng kết đoạn văn thứ nhất, từ đây trở xuống là nói chung đoạn hai, nhưng có sự riêng.

Luận rằng: “Đầu tu, giữa tu, sau tu”.

Thuật rằng: Đây là kết lại đoạn hai. Phàm và Thánh tu khác nhau, ba chỗ nương có thể biết, vì hàng phàm phu, hữu học và vô học khác nhau.

Luận rằng: Từ “Có thượng tu” đến “đắc thù thắng”.

Thuật rằng: Đây là tổng kết đoạn thứ ba. Hàng Tam thừa tu khác nhau, nghĩa là đối với sở duyên, tác ý chứng được trong ba thù thắng. Nếu hàng Nhị thừa tu gọi là hữu thượng, nếu Bồ-tát tu chứng gọi là vô thượng.

PHẨM THỨ NĂM: BIÊN LUẬN TU PHẦN VỊ

Tu hành tùy theo từng quả vị, vì quả vị khác nhau nên gọi là phần vị. Tức là trước đã tu ở phần vị nào thì nương vào đó để tu, cứ thế mà thành tựu từng phần vị. Vì các phần vị trước không tu, nên đối với các phần vị sau phải nói rõ. Ở cuối phẩm trước đã nói về Phạm, Thánh của Tam thừa, còn phẩm này nói về sai biệt. Vì không căn cứ vào phần vị để nói, nên mới có phẩm này.

Luận rằng: “Trước đã nói tu đối trị, còn tu phần vị thì như thế nào?”

Thuật rằng: Trong phẩm này có ba đoạn văn lớn. Phần đầu là kết trước mở sau, để phát ra đầu mối của luận. Phần kế là nương vào lời hỏi chính giải thích rộng ý trong tôn. Phần sau giải thích nghĩa, tức là cuối cùng lược làm tổng kết. Đây là phần đầu.

Luận tụng rằng: Từ “Đã nói tu đối trị”, đến “thắng lợi thành sở tác”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phần thứ hai, nương vào lời hỏi chính để giải thích. Trong này gồm có bốn bài tụng, ba bài tụng đầu nói về pháp, bài thứ tư nói về nhân. Trong ba bài tụng đầu, trước có hai bài nói về sự khác nhau của hữu vị, trị pháp, thắng liệt; bài tụng thứ ba lược nói hữu vị trị pháp này ở trong pháp giới nói về sự sai biệt của nó. Đây tức là phần đầu. Trong đây hai câu đầu nêu lên tên hiển số, sáu câu còn lại nương vào số khác nhau để phản ảnh.

Luận rằng: Từ “Như trước đã nói” đến “có mười tám loại”.

Thuật rằng: Đây là giải thích chung đại cương văn, và giải thích riêng hai câu tụng đầu. Nhưng phần vị này lại không có thể riêng, tức là trong đối trị trước, các phần vị trước sau đều khác nhau.

Luận rằng: Từ “Một là, nhân vị” đến “nói đã phát tâm”.

Thuật rằng: Đầu tức là tánh chủng tánh, tức là chủng tử của đối trị chưa sinh khởi hiện hành. Phần vị thứ hai đã trải qua gọi là tập chủng tánh, nên nói như thế.

Luận rằng: “Ba là, gia hạnh vị” đến “chưa được quả chứng”.

Thuật rằng: Tức là tuy đã phát tâm rồi nhưng chưa chắc chắn là Gia hạnh đạo, tức là Tư lương đạo cũng thuộc về đây. Trừ đi kiến đạo, giải thoát đạo vị, đó là quả vậy.

Luận rằng: “Bốn là, quả vị, nói đã đắc quả”.

Thuật rằng: Tức là mười sáu tâm kiến đạo vv...

Luận rằng: Từ “Năm là, hữu sở tác vị” đến “nói trụ vô học”.

Thuật rằng: Văn này dễ biết. Nhưng địa vị hữu học có chỗ chỉ nói thấy đạo rồi bỏ. Như luận Du-già quyển năm mươi bảy, trong tiết hai mươi hai có nói, pháp thiện muốn rồi bỏ. Nay xét rộng điều này, đối với lý không ngăn được thể, tuy cùng với trước không có khác nhau, vì đã hướng về cái khác, là không có lỗi.

Luận rằng: Từ “Bảy là, thù thắng vị” đến “thắng công đức”.

Thuật rằng: Trước nói không có bậc vô học, đó chỉ là nói chung. Nay thù thắng này căn cứ vào riêng để làm luận khác, chẳng phải thân chứng đều giải thoát vv...

Luận rằng: “Tám là, hữu thượng vị đến vì vô thắng vị”.

Thuật rằng: Nếu người đến thắng tức là ở Thập địa, vì nhập vào Bồ-tát địa. Hoặc người này và người cổ hủ hợp lại, mười tín vị đều là địa vị này, gọi là thắng Thanh văn. Nhưng so sánh với đây, trong các vị trước, tức là chỉ nói người tương tự với hàng Nhị thừa, vì lời này vượt khỏi hàng Thanh văn vv..., nhưng lý không lựa ra, không phải trên có thể biết.

Luận rằng: Từ “Mười là, thắng giải hành vị” đến “kế nói sáu địa”.

Thuật rằng: Từ trước đến nay nói chung các vị của Tam thừa, từ đây trở xuống nói riêng chỉ có địa vị Bồ-tát, tức là mười ba vị và bảy thứ địa. Như Luận Nhiếp Đại Thừa, Du-già v.v... đã nói, văn dễ có thể biết. Căn cứ vào sự thù thắng có thể nói, không thể vì sự vấn nạn về địa mà lập địa riêng.

Luận rằng: “Mười là, ba thọ ký vị”.

Thuật rằng: Thọ ký có chủng loại.

Luận rằng: Từ “Mười là, bốn biện thuyết vị” đến “quán danh vị”.

Thuật rằng: Địa thứ chín đặc bốn biện, vì địa thứ mười sẽ kế thừa Phật vị. Trên là nói về nhân, từ đây sắp xuống là nói về quả.

Luận rằng: Từ “Mười sáu là chứng đắc vị” đến “nói biến hóa thân”.

Thuật rằng: Tức là ba thân đó tùy theo thắng mà đặt tên. Vì báo thân hướng về Bồ-tát nên có tên là Thắng lợi. Lợi ở nơi thắng nhân. Lợi này vì đem thân làm lợi người nên gọi là Thắng lợi. Hóa thân có đủ nhân, sở nguyện nên gọi là Thành sở tác, tức là thành sở tác trí. Đây là phần thứ nhất nói về phần vị của hữu vi, trị pháp đã xong. Nhưng cần vị tận cùng không quá ba thứ, cho nên dưới đây là căn cứ vào thắng nghĩa riêng này, không thể phế lập.

Luận rằng: Từ “Các phần vị này” đến “ba thứ đó là gì?”

Thuật rằng: Kết sinh văn dưới.

Luận tụng rằng: Từ “Nên biết đối với pháp giới”, đến “thanh tịnh tùy theo sở ứng”.

Thuật rằng: Hai câu trên hiển bày hữu vi trị pháp ở trước, đối với chân pháp giới nói riêng, nêu ra số và nêu ra tên, hai câu dưới liệt kê tên rộng nhiếp.

Luận rằng: Từ “Đối với chân pháp giới” đến “nhiếp các vị trước”.

Thuật rằng: Đây là giải thích hai câu đầu, và ba chữ cuối của câu tụng thứ tư. Do chân pháp giới thành tựu được trị của hữu vi nên căn cứ vào pháp giới để nói về trị phần vị.

Luận rằng: Từ “Bất tịnh vị” đến “Cho đến Gia hạnh vị”.

Thuật rằng: Đây là nhiếp ba vị. Nghĩa là nhân nhập vào Gia hạnh vị, nhưng vì là hữu lậu nên gọi là Bất tịnh vị.

Luận rằng: “Tịnh và bất tịnh vị tức là hữu học vị”.

Thuật rằng: Nếu căn cứ vào tên để nhiếp thì chỉ vào vị thứ năm. Nếu căn cứ vào thể để nhiếp tức là nhiếp hoàn toàn vào vị thứ tư, thứ năm, thứ tám, thứ mười, mười một, mười hai, mười ba, mười bốn, mười lăm. Vì thiếu phần vị thứ bảy hữu học cũng đã đăc được thần thông v.v... Do lấy thể chuẩn theo trước, thì thể của vị hữu học được gọi là Thủ dị sinh, nó cùng với thể của Bất tịnh vị xen tạp nhau. Vì các vị này thông với vô lậu, có phiền não, nên gọi là tịnh bất tịnh.

Luận rằng: “Ba là, thanh tịnh vị được gọi là vô học vị”.

Thuật rằng: Nếu căn cứ vào tên để nhiếp thì chỉ nhiếp vào vị thứ sáu. Nếu căn cứ vào thể để nhiếp, tức là nhiếp hoàn toàn vào vị thứ sáu, thứ chín, thứ mười sáu, mười bảy, mười tám, và thiếu phần của vị thứ bảy. Trên đây căn cứ vào pháp thứ nhất nói về vị, kế căn cứ vào vị thứ hai.

Luận rằng: Từ “Vì sao nên biết” đến “các Bồ-đặc-già-la”.

Thuật rằng: Đây là dựa vào lời hỏi mà khởi lên tụng trả lời, nương vào pháp mà lập nhân, nên nói nương vào các vị trước v.v...

Luận rằng: Từ “Nên biết nương vào trước”, đến “đây đã phát tâm v.v...”

Thuật rằng: Người vốn là giả, dựa vào thật để biện giải người, dựa vào các pháp tướng riêng mà gọi là người. Nếu là pháp chủng tánh thì gọi là người trụ chủng tánh. Cho đến nói rộng cả mười tám vị, ba vị.

Luận rằng: Từ “Tu phần vị” đến “tức là chủng tánh vị”.

Thuật rằng: Đây tức là phần lớn thứ ba, kết lại nghĩa ở trước. Nhờ có chủng tánh mới có khả năng kham chịu, siêng năng thực hành nhập vào Bậc Thánh.

Luận rằng: “Phát thú vị tức là vào gia hạnh vị”.

Thuật rằng: Vị trước chưa phát tâm thì chưa gọi là phát thú, hai vị này phát tâm hồi hướng đến cầu Thánh đạo, nên gọi là phát thú vị, tức là nói tên khác của phàm phu vị. Nó được nhiếp trong vị thứ nhất, thứ hai, thứ ba của mười tám vị.

Luận rằng: Từ “Bất tịnh vị” đến “thanh tịnh vị”.

Thuật rằng: Nhiếp chung thể của phàm phu, gọi là bất tịnh vị. Trong ba vị nhiếp một, như từ tên nhiếp, trong mười tám vị nhiếp ba vị đầu. Nếu chỉ dùng tên nhiếp, tức là như nói nhiếp tịnh bất tịnh vị và thanh tịnh vị. Còn dùng thể để nhiếp thì như trên đoạn ba đã nói.

Luận rằng: Từ “Hữu trang nghiêm vị” đến “Vô thượng vị”.

Thuật rằng: Trong mười tám vị, vị thứ bảy gọi là hữu trang nghiêm vị, vì nó có đức thú thắng. Nay kết riêng vị. Biến mãn vị tức thuộc Thập địa. Nghĩa là, trong mười tám vị, vị thứ tư, thứ năm, thứ tám, thứ mười một, thứ mười hai, thứ mười ba, thứ mười bốn, thứ mười lăm. Trong ba vị, thì vị thứ hai là thông với Thập địa, nên gọi là Biến mãn vị, Vô thượng vị ở trong mười tám vị tức là Phật, và đó là vị cuối cùng trong ba vị. Trong phần kết ở phẩm này của Luận không nói như vậy. Nhưng với cách giải thích này, nay đối chiếu một số bản khác cũng không thấy có cách giải thích nào hay hơn, nên dùng nó để kết lại vậy, không thể suy xét hết nghĩa lý được.

PHẨM THỨ SÁU: BIÊN LUẬN ĐẮC QUẢ

Trước đây nói cảnh và hạnh là đều chỉ cho tu nhân, vì nhân hạnh đã viên mãn rồi nên nay thuận theo đạo quả. Do đó, phẩm thứ sáu này sẽ nói rõ về đắc quả. Bởi thế trong đạo của Tam thừa, đều có lập tên quả vị theo nghĩa xuất thế gian. Nhằm làm rõ hạnh nhân chứng đắc cả quả vị hữu vị, vô vị, thế gian và xuất thế gian để lợi lạc quần sinh, nên gọi đó là chứng đắc năm quả vị. Năm quả vị này tùy theo lý có thể biết.

Luận rằng: “Đã nói về tu vị, vậy đắc quả như thế nào?”

Thuật rằng: Phần chánh văn của phẩm này, cũng chia làm ba đoạn: Gồm mở đầu, chánh giải và kết giải thích như trên có thể biết. Đây tức là phần đầu.

Luận tụng rằng: Từ “Khí thuyết gọi là di thực” đến “như thế tức là năm quả”.

Thuật rằng: Trong phần chánh giải thích chung này có hai bài tụng: Bài đầu nói về năm quả, bài sau nói phần còn lại. Đây là phần đầu. Trong này, ba đầu nói về thể sở đắc của việc tu năm quả. Câu thứ tư, lấy thể làm danh, lấy sự làm giáo. Tên thì rộng mà thể thì hẹp, sự thì ần, giáo thì rõ ràng. Cho nên lấy thể và sự để làm danh và giáo.

Luận rằng: “Khí nghĩa là tùy thuận theo pháp thiện dị thực”.

Thuật rằng: Giải thích câu đầu. Đây là do tu hữu lậu trị mà đắc. Nếu ở địa vị phàm phu nhập vào hàng Thánh rồi, mà tu hữu lậu trị thì được khí thân, tức là thông với năm uẩn, nên đều gọi là khí. Như vật dụng chứa đựng, từ dụ mà đặt tên. Vì “khí” của Thánh đạo đã chiêu lấy thiện nghiệp, thể tánh là vô ký, nên gọi là dị thực. Nếu tu vô lậu trị đạo được mà cảm ứng thì đã chẳng phải là vô ký, nên không gọi là dị thực. Như Luận Du-già quyển năm mươi một đã nói. Lực vô lậu, nghiệp cảm quả thù thắng, tức là pháp của vô lậu. Tuy chẳng phải là chánh nhân, tuy nhờ vào duyên mà được chiêu lấy thì cũng gọi là dị thực. Quả này tức là thông với hai tánh được cảm. Do quả thù thắng thuận theo pháp thiện tu thắng thiện nên gọi là tùy thuận, như Bán Trạch Ca.

Luận rằng: Từ “Lực nghĩa là do kia đến thành tựu tánh của thượng phẩm”.

Thuật rằng: Giải thích câu thứ hai/ Do quả của “khí” thuận sinh ra thiện lực, khiến cho các pháp thiện tánh thành tựu thượng phẩm, dùng thiện làm nhân, để đắc được quả dị thực nên gọi là thù thắng. Vì thuận theo thiện sinh ra, lại xoay vần tăng thêm. Trên đây thiện là quả

dị thực tăng thượng. Nếu hưởng đến thiện nhân cũng sẽ đắc quả tăng thượng. Nhưng sự giải thích có khác. Quả của dị thực trước tức là thông với ba tánh. Nếu dị thực sinh, thì tạm gọi là dị thực, đều là do quả dị thực trước đã dẫn sinh ra, tức là thông với ba tánh, và năm uẩn. Quả tăng thiện này chỉ duyên với pháp thiện. Trước chung sau riêng, nghĩa thì có hơi khác, nhưng thể thì không khác. Vả lại, hưởng về pháp bên trong là quả tăng thượng. Không hưởng về pháp bên ngoài, tức không phải pháp bên ngoài không có, vì không có lý ngăn cản. Đây là thông với hai quả hữu lậu và vô lậu.

Luận rằng: Từ “Ái lạc nghĩa là đời trước” đến “thân sinh ái lạc”.

Thuật rằng: Đây là giải thích hai chữ đầu của câu thứ ba. Nhân ái có quả lạc, nhân lạc được quả di, cho nên quả sở đắc được gọi là ái lạc. Quả này thông với cả hữu lậu và vô lậu.

Luận rằng: Từ “Tăng trưởng nghĩa là hiện tại” đến “nhanh chóng được viên mãn”.

Thuật rằng: Đây là giải thích chữ thứ ba, thứ tư ở trong câu thứ ba. Đời trước tu hành nên đời này được quả viên mãn. Tuy thành người hữu dụng nên còn quá xa. Nay không nói phàm phu, chỉ nói nhân hiện tại nếu không thật thì gọi là nhân phàm phu, chỉ có hữu lậu. Nếu pháp gọi là sĩ dụng thì cũng thông với đắc quả vô lậu.

Luận rằng: “Tịnh nghĩa là chướng đoạn, được viễn ly xa lìa sự trói buộc”.

Thuật rằng: Đây là giải thích chữ thứ năm ở cuối câu tụng thứ ba. Thể vô vi này chỉ có quả vô lậu mới chứng đắc. Nếu là quả hữu đắc thì không phải là vĩnh viễn xa lìa. Hoặc sở trị tịnh mà đoạn thể, hoặc năng đạo tịnh mà được vô lậu, hoặc quả thể tích mà tăng ích lý, từ đó mà đặt tên.

Luận rằng: Từ “Năm thứ này như lần lượt” đến “năm thứ lìa quả ràng buộc”.

Thuật rằng: Giải thích câu tụng thứ tư. Như trước đã thuật, không rườm rà nêu lại. Song mười địa Nhị thừa, đều được năm quả. Nếu ở Phật địa, chỉ trừ quả đầu, vì là vô lậu. Nếu giả danh, thì Phật cũng có năm quả, lý không ngăn cản.

Luận rằng: Từ “Lại nữa” tụng rằng” đến “lìa thắng thượng Vô thượng”.

Thuật rằng: Đoạn thứ hai này nói về thể không sai biệt của các quả khác. Vì vậy nói thêm, tức nói thêm phần biệt nghĩa của thể này

vậy. Câu tụng thứ nhất là hiển bày thể không phải riêng. Tuy đã nói nhưng lại nói thêm. Câu dưới là liệt kê tên mười quả.

Luận rằng: “Lược nói quả khác, sai biệt có mười”.

Thuật rằng: Giải thích câu tụng đầu.

Luận rằng: Từ “Vả lại, các quả sau” đến “triển chuyển nên biết”.

Thuật rằng: Thể đã không khác, tức là trong phần vị, mười tám phần vị lấy trước làm nhân, lấy sau làm quả, xoay vần hướng về nhau, như lý nên biết. Hoặc tăng thượng, hoặc đẳng lưu, hoặc sĩ dụng lia sự ràng buộc, vì trước dẫn Thánh đạo sau chứng vô vi.

Luận rằng: Từ “Hai là, quả đầu tiên” đến “pháp xuất thế gian”.

Thuật rằng: Trong mười tám phần vị, phần vị thứ tư là sơ đắc quả.

Luận rằng: Từ “Ba là, số tập quả” đến “nói vô học vị”.

Thuật rằng: Phần vị thứ ba tức là phần vị thứ năm, vì có sự tạo tác. Phần vị thứ tư tức là phần vị vô sở tác thứ sáu, vì vậy là học vô sở tác

Luận rằng: Từ “Năm là, tùy thuận quả”, đến “nói là chướng diệt”.

Thuật rằng: Bốn thứ quả trước, nhiếp thể đã đồng. Nhưng để hiển bày riêng tên thắng, nên lập lại nó. Quả thứ năm do thuận với trước, còn quả thứ sáu là bắt đầu đoạn chướng thù thắng.

Luận rằng: Từ “Bảy là, lia hệ quả” đến “vì phiền não ràng buộc”.

Thuật rằng: Bạc hữu học có một số tập khí đã lia sự ràng buộc, còn bạc vô học thì rất ráo xa lia sự ràng buộc. Vì nghĩa của sự xa lia ràng buộc có khác nhau nên là thứ lớp như vậy.

Luận rằng: Từ “Tám là, thù thắng quả” đến “công đức thù thắng”.

Thuật rằng: Tức là trong bốn quả trước, các quả cứu cánh rất ráo được nhiếp trong nhị quả. Trong mười tám phần vị, thuộc về phân vị thứ bảy. Có thắng thân thông v.v... chỉ lập trong quả khác.

Luận rằng: Từ “Chín là, hữu thượng quả” đến “vì thắng pháp khác”.

Thuật rằng: Thứ chín tức là bốn phân vị trước, ba nhiếp hậu hậu, tối sơ số tập. Thứ mười cũng là hai nhiếp, hậu hậu cứu cánh. Trong mười tám phân vị, vị thứ tám, thứ chín là tên của hai phân vị, vì nhiếp thể lại rộng.

Luận rằng: Từ “Trong đây đã nói” đến “bốn quả trước sai biệt”.

Thuật rằng: Đây là làm rõ sáu vị sau lia bốn vô thể trước, vì nghĩa thù thắng, lại chỉ lập ra nó.

Luận rằng: Từ “Các quả như vậy” đến “tức là vô lượng”.

Thuật rằng: Giải thích phương nạn bên ngoài, nghĩa là có lời hỏi, hoặc là tùy theo lời khác. Như mười tám phần vị, tức không phải chỉ có mười vị, hoặc là vô lượng. Vì sao ở đây chỉ có mười? Nay vì giải thích nghĩa ấy nên có văn này. Hoặc lại đến tùy theo thù thắng, lại nói không nghi ngờ.

Luận rằng: Từ “Quả nghĩa chung” đến “vì giải thích”.

Thuật rằng: Tức là văn tổng kết phần thứ ba. Nhưng bốn luận xưa phẩm tu trị trước và phẩm phần vị đều không có kết phần cuối. Đối với phẩm này, dưới mới tổng kết, đối với nghĩa đã không thuận nhau. Đối với một văn sao không có thứ lớp. Đã có đặc quả nên phần dưới mới tổng kết trước, như bản tiếng Phạm cũng có lời này. Nay từ nơi nghĩa tiện và chuẩn theo chương của tướng. Ba phẩm đầu nương vào hoàn toàn ở bản tiếng Phạm mà tổng kết riêng. Trong đây có hai, đầu nêu lên sau giải thích. Đây là nêu lên liệt kê chung.

Luận rằng: “Trong nhiếp thọ này nghĩa là năm quả”.

Thuật rằng: Tổng kết bài tụng thứ nhất. Vì do nhân tu trị, đã cảm được quả nên gọi là nhiếp thọ. Nhiếp thuộc về mình mà lãnh thọ nó nên gọi là nhiếp thọ.

Luận rằng: “Sai biệt nghĩa là quả khác”.

Thuật rằng: Tổng kết bài tụng thứ hai, vì năm quả trước sai biệt.

Luận rằng: Từ “Người đời trước tu tập” đến “nói bốn quả khác”.

Thuật rằng: Đây là kết riêng bài tụng đầu. Nhờ quả dị thực làm sở y, mới được quả khác. Chủ yếu là do nghiệp quả đời trước chiêu cảm được nên gọi là túc thế. Tánh của nhân quả khác nhau, không giống như bốn quả sau. Bốn quả sau tức là khác với quả đầu, nhưng nhân trước có thể dẫn đến các quả sau, nên lập ra tên hậu hậu.

Luận rằng: Từ “Nêu lên nghĩa là hậu hậu...” đến “vì bốn quả trước”.

Thuật rằng: Đây là kết mười quả khác ở trước. Bốn là lược nêu ra tên; sáu là rộng giải thích tên.

PHẨM THỨ BẢY: BIÊN LUẬN VÔ THƯỢNG THỪA

Trước tuy đã nói đắc quả nhưng chưa nói thuộc về thừa nào. Vì hiển bày thân thù thắng thì có thể được quả thù thắng, không đồng với nhân quả của hàng Nhị thừa, nên phẩm này gọi là Vô Thượng Thừa. Ba thứ cảnh, hành, quả đều đầy đủ nên gọi là thừa.

Luận rằng: Từ “Đã nói về đắc quả” đến “nay sẽ nói”.

Thuật rằng: Phẩm này có ba nghĩa, chuẩn theo trước mà biết. Đây tức là phần đầu.

Luận tụng rằng: Từ “Đều do ba Vô thượng” đến “và tu chứng Vô thượng”.

Thuật rằng: Đây tức là phần thứ hai, nương theo lời chính để giải thích. Trong đây gồm có hai mươi chín bài tụng. Tuy có ba mươi bài tụng, nhưng bài tụng tổng kết cuối cùng, chẳng phải nghĩa của phẩm này. Nay hai mươi chín bài tụng này được chia làm hai đoạn: Một bài tụng đầu nêu chung ba nghĩa của “do” gọi là Vô thượng thừa. Hai mươi tám bài tụng kế tiếp giải thích riêng về ba nghĩa của Vô thượng thừa. Đây là phần đầu. Trong phần này, hai câu trên nêu chung nghĩa số, hai câu dưới liệt kê tên của ba nghĩa. Trong đó, hai chữ “vô thượng” ở cuối thông suốt cả ba thứ nên gọi là xứ.

Luận rằng: Từ “Trong Đại thừa này” đến “gọi là Vô thượng thừa”.

Thuật rằng: Giải thích hai câu đầu. Nói riêng nghĩa của nguyên do, như dưới nói nhiều, chung cũng không ngoài ba thứ. Lại như bảy thứ tánh lớn và hai mươi một tánh lớn v.v... đều gọi là Vô thượng, tức là vô biên. Nay chung mà nói cũng ba thứ này, vì bảy thứ tánh lớn và hai mươi một tánh lớn v.v... cũng không ngoài ba thứ đó. Như Luận Đối Pháp, Nhiếp Luận, Du-già v.v... đã nói. Lấy cái này nhiếp vào cái khác, như lý nên biết.

Luận rằng: Từ “Ba quả Vô thượng” đến “tu chứng Vô thượng”.

Thuật rằng: Giải thích hai câu dưới. Quả không phải tự đắc, nhân không phải nhân thành tựu, cho nên đầu tiên trước nói về chánh hạnh. Hành không phải chỉ là phân biệt, vì nhất định cần phải có. Kế đến phần thứ hai nói về pháp sở duyên, hai nhân đã đầy đủ, vì có được thành tựu. Kế đến phần thứ ba nói về đã tu chứng. Tam-bạn-trụ-đà-da, đây nói là tu chứng. Luận Phật Địa quyển thứ bảy nói đồng với đây. Luận xưa nói là tập khởi, được tập đã khởi, nghĩa cũng không trái. Thể của quả đã thông với vô vi, vì tên của tập khởi thì hẹp, nên nói là tu

chứng, ở nơi lý cực thành.

Luận rằng: “Trong đây chánh hạnh vô thượng, nghĩa là mười Ba-la-mật hành”.

Thuật rằng: Từ phần thứ hai trở xuống giải thích riêng. Vì lựa ra cảnh chưa rõ ràng, nên nói trong đây. Nghĩa là, thể của chánh hạnh tức là mười đạo bỉ ngạn. Trong phần giải thích riêng này, có hai mươi tám bài tụng. Hai mươi sáu bài tụng đầu rộng nói về sáu thứ chánh hạnh. Kế có một bài tụng rộng nói về mười hai sở duyên. Kế có một bài tụng giải thích rộng về mười thứ tu chứng. Để giải thích chánh hạnh, thì việc lựa chọn để nêu lên tôn, nêu ra thể là thứ nhất. Từ phần thứ hai trở xuống hỏi đáp giải thích chính.

Luận rằng: “Tướng của chánh hạnh này, vì sao nên biết?”

Thuật rằng: Đây tức là hỏi, sẽ giải thích tướng của nó.

Luận tụng rằng: Từ “Chánh hạnh có sáu thứ” đến “sai biệt vô sai biệt”.

Thuật rằng: Từ phần chánh văn trở xuống, nương theo lời hỏi để giải thích, gồm có hai mươi sáu bài tụng. Một bài tụng đầu, nêu chung chánh hạnh có sáu thứ. Hai mươi lăm bài tụng còn lại giải thích riêng về sáu hạnh. Đây tức là phần đầu. Câu đầu là nêu tên hiển số, ba câu dưới liệt kê riêng sáu tên.

Luận rằng: Từ “Tức là ở nơi mười thứ” đến “có sáu chánh hạnh”.

Thuật rằng: Giải thích câu tụng đầu, tức là mười độ tùy theo nghĩa sai biệt của sở tu, mỗi thứ đều thông với sáu thứ chánh hạnh. Vì sợ cho rằng, ngoài mười độ ra, giải thích riêng sáu hành và trái với nghĩa của thể đã nêu ở trước, nên nương theo trước làm luận.

Luận rằng: Từ “Một là, tối thắng chánh hạnh” đến “sáu là, vô sai biệt chánh hạnh”.

Thuật rằng: Sáu hạnh này, đầy đủ hai thứ tu thiện, kế có hai thứ lìa lỗi, sau có hai thứ nói về sự đồng dị của mười địa tu thiện. Giải thích ba câu tụng dưới, theo như văn có thể biết. Nhưng đối với tên này chỉ có sáu. Nếu chuẩn theo ở nơi văn, thì hai mươi lăm bài tụng giải thích riêng sáu hạnh trong đó hợp thành năm đoạn, lấy sai biệt vô sai biệt hợp làm một minh. Đầu có bốn bài tụng đầu giải thích tối thắng; kế có bốn bài tụng nói về tác ý; kế có mười hai bài tụng nói về tùy theo pháp; kế có bốn bài tụng nói về lìa nhị biên; kế có một bài tụng nói về sai biệt và vô sai biệt. Nay sẽ giải thích chánh hạnh tối thắng thứ nhất. Trước khởi lên lời hỏi, sau nêu ra câu tụng trả lời.

Luận rằng: “Tối thắng chánh hạnh, tướng nó như thế nào?”

Thuật rằng: Thứ nhất là hỏi.

Luận tụng rằng: Từ “Tối thắng có mười hai thứ” đến “gọi là Ba-la-mật-đa”.

Thuật rằng: Đây là phần thứ hai trả lời. Ở trong này có bốn bài tụng hợp thành hai đoạn. Hai bài tụng đầu nói về mười hai tối thắng, hiển bày mười độ kia, gọi là đáo bỉ ngạn. Hai bài tụng sau nói về mười đáo bỉ ngạn, gọi là thể tức nghiệp. Đây tức là phần đầu. Trong đây, câu thứ nhất nêu ra tên và nêu ra số; kế có năm câu thứ lớp liệt kê tên; kế có hai câu hiển bày do đây nêu mười đáo bỉ ngạn được gọi là sở do. Nhưng tối thắng này xưa gọi là vô tử.

Luận rằng: “Tối thắng chánh hạnh có mười hai thứ”.

Thuật rằng: Giải thích câu thứ nhất.

Luận rằng: Từ “Một là, Quảng đại tối thắng” đến mười hai là cứu cánh tối thắng”

Luận rằng: Đây là giải thích năm câu kế. Trong đây có hai, đầu liệt kê tên, kế giải thích rộng, đây tức là ban đầu. Nhưng trong bài tụng thứ tám chỉ nói về nhiếp, nay thêm chữ “thọ”. Trong bài tụng thứ mười chỉ nói là đắc, nay thêm chữ “chí”. Các tên còn lại thì như nhau.

Luận rằng: Từ “Trong quảng đại tối thắng này” đến “vì có chí cao viển”.

Thuật rằng: Trong phần giải thích riêng, đầu là điệp văn, sau là giải thích, chuẩn theo đây có thể biết. Song không mong cầu tất cả các thứ lạc thú giàu sang của thế gian giàu mà chỉ cầu địa vị Nhất thiết trí. Sự chán ghét cũng nhiều mà sự mong cầu cũng lớn, hoặc cái sở yếm sở cầu đều rộng lớn, nên gọi là quảng đại.

Luận rằng: Từ “Trưởng thời tối thắng”, đến “vì huân tập mà thành”.

Thuật rằng: Chẳng phải như quả của hàng Nhị thừa và thế gian, vì thiếu thời đắc, thiếu thời tu.

Luận rằng: Từ “Y xứ tối thắng” đến “vì là y xứ”.

Thuật rằng: Lợi tha là trước tu mười độ, vì nương theo hữu tình gọi là y xứ.

Luận rằng: Từ “Vô tận tối thắng”, đến “vì vô cùng tận”.

Thuật rằng: Một là, vì đã hướng về Bồ-đề, công đức vô lượng, nên nói là vô tận, hai là đã hướng về Bồ-đề, đến đời vị lai không có tận. Ba là đã tu mười độ mỗi mỗi đều hồi hướng, nên cũng nói vô tận.

Luận rằng: Từ “Vô gián tối thắng” đến “vì nhanh chóng viên mãn”.

Thuật rằng: Tức là đối với tự tha ý rõ được bình đẳng, vì chúng sinh vô lượng, đối với trên kia phát khởi tự thân bố thí v.v... cũng vô gián đoạn, hoặc giả hoá chúng sinh, chúng sinh làm việc thiện, tức là vì Bồ tát rõ thân bình đẳng. Bồ tát hoan hỷ cũng như trị thân mình, tức là có thể khiến thân mình bố thí nhanh chóng viên mãn. Nhưng trong sáu ý lạc, ba tư duy, tu vô gián tức là không đồng với đây, vì căn cứ vào nghĩa riêng.

Luận rằng: Từ “Vô nan tối thắng” đến “vì nhanh chóng viên mãn”.

Thuật rằng: Nếu không tùy theo vui vẻ thì cần phải tu tự hành. Hành tức là khó mà đã có thể tùy theo vui vẻ, chẳng cần tự hành nên không khó.

Luận rằng: Từ “Tự tại tối thắng” đến “vì nhanh chóng viên mãn”.

Thuật rằng: Định này căn cứ vào thắng, phần nhiều cho rằng nhờ bỏ Bát-địa mà chứng được. Nhưng thật ra, khi đã chứng đắc rốt ráo sơ địa thì thông, thông với kiếp vị thứ hai thứ ba đắc. Do có định thù thắng, nên có thể chuyển biến vật kim ngân... bố thí cho chúng sinh, đến vô biên tận, như hư không tận. Tức từ dụ đặt tên. Nương vào định này được hành bố thí... gọi là tự tại. Nếu chưa được định này, như kiếp vị thứ nhất, thì không gọi là tự tại. Như định của hữu lậu, tuy có thể hiển thực, nhưng không gọi là Hư không tận, vì phân lượng ít. “Đẳng” nghĩa là đẳng Đại thừa quang minh...

Luận rằng: Từ “Nhiếp thọ tối thắng”, đến “vì rất thanh tịnh”.

Thuật rằng: Vì không thấy có người bố thí, không thấy có của bố thí..., nên gọi là nhiếp thọ của Vô phân biệt trí. Cho nên việc bố thí đều được thanh tịnh. Đây chính là căn bản trí, hậu đắc trí, Vô phân biệt trí vậy. Tuy trong Gia hạnh cũng có việc bố thí này, cũng đều nương trí đó. Và cũng không thấy tướng của người bố thí..., và cũng thuộc về căn bản trí, nên gọi là tối thắng. Lấy sau nhiếp trước hoặc lấy trước nhiếp sau, tức là gia hành trí, cũng gọi là Vô phân biệt trí. Vì không thấy tướng bố thí tức thuộc về trí này, chẳng phải là Căn bản trí hay Hậu đắc trí.

Luận rằng: Từ “Phát khởi tối thắng”, đến “trong thượng phẩm nhãn”.

Thuật rằng: Lại nữa, pháp Thế đệ nhất ở quả vị trước, và pháp Thế đệ nhất này, đều có thể phát khởi chân kiến đạo, nên gọi là phát khởi thắng. Pháp thứ nhất vì thời thúc dục, trong đây không nói, chẳng phải thể chẳng phải đây.

Luận rằng: Từ “Đắc tối thắng”, đến “vì nhân quả đầy đủ”.

Thuật rằng: Đầu đắc vô vi nên gọi là chí đắc, văn khác có thể biết. Trong đây thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ sáu thông với ba tầng-kỳ tối thắng của vị Bồ-tát; còn thứ năm được tự tha bình đẳng thắng giải, ở trong mười địa được mười bình đẳng, tức là trong hai Tăng-kỳ sau. Thứ bảy hư không tạng, cốt yếu phải nhờ thứ tám mới đắc được. Nói rằng, thứ tám mới được viên mãn, nhập vào địa phần đắc, hoặc nói chỉ có hai kiếp sau, có nói thông với ba Tăng-kỳ, như hai cách giải thích trước. Thứ chín chỉ là kiếp đầu; thứ mười chỉ là kiếp thứ hai; thứ mười một thông với kiếp thứ hai, thứ ba; thứ mười hai chỉ là kiếp thứ ba và phi kiếp, vì thông với Phật. Hữu lậu... chuẩn theo đây có thể biết, có thể so sánh sáu ý, ba tư duy, bảy tám... đồng dị với đây.

Luận rằng: Từ “Do mười thí...” đến “đều được tên áo bỏ nợ”.

Thuật rằng: Giải thích câu tụng thứ bảy và thứ tám.

Luận rằng: “Vì sao gọi là mười áo bỏ nợ?”

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phần thứ hai nói về áo bỏ nợ, nương vào lần lượt văn trước, đầu là khởi lên lời hỏi.

Luận tụng rằng: Từ “Mười Ba-la-mật-đa” đến “phương tiện nguyện lực trí”.

Thuật rằng: Đây có hai bài tụng, một bài tụng đầu liệt kê tên mười độ, sau có một bài tụng giải thích độ tạo tác nghiệp, đây tức là ban đầu. Nhiếp Luận quyển thứ tám nói rằng: “Trong sáu độ, bốn độ trước là tư lương, định là nương vào, sinh ra trí thứ sáu”. Nhưng chỗ khác nói, tính lực nghĩa là chỉ ở sắc giới, từ nơi thắng mà luận, vô sắc tức là vô vi hợp với tên này. Nay từ nơi tên rộng nên nói là định định.

Luận rằng: Từ “Đây hiển bày bố thí...” đến “mỗi thứ đều tạo nên tác nghiệp riêng”.

Thuật rằng: Đây là giải thích đại cương danh thể của mười độ ở trong bài tụng. Vì có hỏi tạo tác nghiệp nên mới dẫn văn ở dưới.

Luận tụng rằng: Từ “Tụng nói, nhiều ích thọ bất hại” đến “thọ dụng thành thực tha”.

Thuật rằng: Đây là nêu ra mười nghiệp” Một là lợi ích, hai là không hại, ba là thọ, bốn là tăng đức, năm là năng nhập, sáu là năng thoát, bảy là vô tận, tám là thường khởi, chín là thường định, mười là thọ dụng thành thực tha. Dụng là tự mình lợi tha là thù là người khác lợi. Trong câu thứ hai, chữ “năng” thông với nhập và thoát; chữ “thường” trong câu thứ ba thông với khởi và định. Trường hàng dưới sẽ giải thích, nên biết ý này.

Luận rằng: Từ “Nay làm rõ thí độ...” đến “lần lượt nên biết”.

Thuật rằng: Mười tác nghiệp trước lần lượt phối hợp với mười độ, chuẩn theo văn để biết.

Luận rằng: Từ “Nghĩa là chư Bồ-tát” đến “không bị tổn hại”.

Thuật rằng: Ba thí, ba giới tác nghiệp đều thông nhau.

Luận rằng: Từ “Do an nhẫn” đến “thâm năng nhẫn thọ”.

Thuật rằng: Trong đây đã lược bỏ Đế pháp Sát nhẫn, chỉ còn lại hai thứ, khác có thể biết.

Luận rằng: Từ “Do tinh tấn” đến “tăng trưởng công đức”.

Luận rằng: Từ “Vì do thuyên định” đến “khiến nhập vào chánh pháp”.

Thuật rằng: Lược bớt Hiện pháp lạc trụ, chỉ còn lại hai thứ, có thể biết. Hoặc là Tứ thiền, có thể dẫn thông... nên cũng thông với ba, đối với lý không ngại.

Luận rằng: Từ “Do trí tuệ” đến “khiến được giải thoát”.

Thuật rằng: Bát-nhã gọi là tuệ, thông cả ba, không ngăn ngại.

Luận rằng: Từ “Do phương tiện thiện xảo” đến “công đức vô tận”.

Thuật rằng: Bốn độ sau, như Thánh Duy Thức nói là mỗi độ đều có hai thứ. Mười hai thứ phương tiện xảo này, sáu thứ là tự lợi, sáu thứ là lợi tha, trong đây chỉ căn cứ vào môn tự lợi mà nói.

Luận rằng: Từ “Do nguyên...” đến “khởi bố thí”.

Thuật rằng: Dùng thân thù thắng thuận sinh các thiện pháp, gọi là sinh thắng bố thí tùy thuận nhiếp thọ. Văn khác có thể biết. Nhưng nguyên có hai, trong đây chỉ căn cứ vào tự lợi để nói.

Luận rằng: Từ “Do lực” đến “thường quyết định chuyển”.

Thuật rằng: Hai lực đều đủ, văn dễ có thể biết.

Luận rằng: Từ “Do trí” đến “tất cả hữu tình”.

Thuật rằng: Như nghe, như nói mà nắm lấy nghĩa. Ở trong các pháp, mê và lầm gọi là ngu si. Vì muốn khiến cho đoạn trừ hết, nên nói lẽ lìa kia, như nghe như nói, mà các mê lầm. Mê nghĩa là không hiểu rõ; lầm là hiểu sai trái. Do lìa si này mà tự mình có thể thọ dụng Tăng thượng pháp lạc, cũng có thể không ngược với thành thực hữu tình, hai trí đầy đủ. Chuẩn theo mười chương cửa độ trong quyển thứ nhất, tự mình cũng thành thực, người khác cũng thọ lạc. Nay đều căn cứ vào Tăng thượng riêng mà nói, cũng không trái nhau, hoặc trên đồng với đây, nghĩa cũng không trái nhau. Mười tự tánh này và các nghĩa môn, như Duy thức đã nói.

Luận rằng: Từ “Đã nói như vậy” đến “tương nó như thế nào?”

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phần thứ hai, nói về hành của tác ý nghiệp. Trong đây, có hai: Phần đầu kết trước sinh sau để phát ra đầu mối của luận. Phần kế là từ “tụng rằng” trở xuống, là nương vào lời hỏi chính để trả lời, đây tức là ban đầu. Nói tác ý, chẳng phải tác ý số, thể của số tức là Tuệ đầy đủ. Tác ý tăng gọi là tác ý, như Tứ niệm trụ chẳng hạn.

Luận tụng rằng: Từ “Bồ-tát dùng ba tuệ” đến “gọi là tác ý chánh hành”.

Thuật rằng: Nương vào lời hỏi chánh để trả lời. Trong đây có bốn bài tụng hợp làm hai đoạn. Đầu có một bài tụng rưỡi nói rõ về tác ý hoặc nhân hoặc là quả. Sau có hai bài tụng rưỡi có rõ về trợ nhân và trợ quả. Trong một bài tụng đầu, chính là nói về tác ý, tức là nhân của nó. Kế có nửa bài tụng nói về quả của tác ý. Đây tức là phần đầu. Câu thứ nhất nói về quán tâm, tức là thể của tác ý. Hai câu kế nói về cảnh sở quán, tức là cảnh của tác ý. Câu thứ tư kết về tác ý.

Luận rằng: Từ “Nếu các Bồ-tát”, đến “được thành diệu Tuệ”.

Thuật rằng: Giải thích câu thứ nhất. Bồ-tát nghĩa là người có thể thành tựu. Văn, Tuệ tức là năng quán được thành tựu.

Luận rằng: “Số tác ý tư duy Đại thừa”.

Thuật rằng: Giải thích câu thứ hai. Số số là hiểu rộng, vì dụng tuệ để tác ý. Tư duy Đại thừa là cảnh đã quán. Lược ra Tiểu giáo, chỉ nói Đại thừa.

Luận rằng: Từ “Nương vào bố thí...” đến “các pháp của khế kinh...”.

Thuật rằng: Giải thích câu thứ ba Đại thừa tuy là chung, mà giáo bố thí... lại là riêng. Nói bố thí... tức là thực hành mười độ. Như được đặt ra pháp khế kinh... tức là như thực hành bố thí... mà thiết lập ra giáo pháp. Vì giáo xứng với hành mà đặt ra. Xứng gọi nó là như. Như nghĩa là tương xứng. Khế kinh tức là mười hai bộ kinh. Hành là sở y, giáo là năng y. Vì nương vào hành mà lập giáo nên nói y bố thí... Ý chung của đoạn này là: Bồ-tát dùng ba tuệ tư duy của Đại thừa, nương vào hạnh bố thí mà đặt ra giáo pháp. Giáo pháp gọi là pháp thắng, nương vào giáo quán hành mà tu hành, nên có thể được quả lớn. Lấy giáo làm trước, sau mới hành, hành mà được ở quả, nên nói là tư giáo, có thể hiểu như vậy. Chỉ dùng văn Tuệ để nghe mà được, dưới được công đức, ở giữa duyên vào giáo pháp, tư duy duyên vào nghĩa, nhờ tu khiến cho việc thành tựu. Vì sao trong đây chỉ nói giáo, pháp...? Đáp rằng, vì mười hai

phần giáo làm đầu, đồng lấy nghĩa sự, cùng pháp mà nói, không chỉ nói riêng giáo. Pháp tức là thông suốt vậy.

Luận rằng: “Như vậy nên phải tác ý chánh hạnh”.

Thuật rằng: Đây là giải thích câu thứ tư. Dưới là kết các phần còn lại, chẳng phải nói tác ý.

BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN THUẬT KÝ QUYỂN TRUNG
(HẾT)

Năm thứ năm niên hiệu Văn An từ ngày 9 đến ngày 15 tháng 7 năm Mậu Thìn, Ngài Nhiễm Đoan chép xong, sau xem nó lại, đọc Nhân quang minh chân ngôn, có thể nguyện đem hồi hướng, Nam-mô Xuân Nhật Đại Minh Thân. Tăng Chuyên.

